

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN KIỀU DIỄM PHÚC

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC TỪ THỰC TIỄN
QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH

HÀ NỘI, năm 2018

NGUYỄN KIỀU DIỄM PHÚC

LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH

KHÓA VII ĐỢT 2 NĂM 2016

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN KIỀU DIỄM PHÚC

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC TỬ THỰC TIỄN
QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS LÊ THỊ HƯƠNG

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc trích dẫn rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Tác giả luận văn

Nguyễn Kiều Diễm Phúc

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý nhà nước về chứng thực.....	7
<i>1.1. Những vấn đề chung về chứng thực.....</i>	<i>7</i>
<i>1.2. Khái niệm, nội dung, chủ thể, vai trò của quản lý nhà nước về chứng thực.....</i>	<i>14</i>
<i>1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về chứng thực.</i>	<i>23</i>
Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.....	30
<i>2.1. Khái quát về quận Gò Vấp.....</i>	<i>30</i>
<i>2.2. Tình hình quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.....</i>	<i>35</i>
<i>2.3. Những ưu điểm và hạn chế trong quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.....</i>	<i>43</i>
Chương 3: Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh....	59
<i>3.1. Cơ sở của việc tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực.</i>	<i>59</i>
<i>3.2. Các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực.</i>	<i>60</i>
KẾT LUẬN.....	77

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

GD	: Giao dịch
HD	: Hợp đồng
HDND	: Hội đồng nhân dân
HCNN	: Hành chính nhà nước
PCC	: Phòng công chứng
QLNN	: Quản lý nhà nước
QPPL	: Quy phạm pháp luật
TCHNCC	: Tổ chức hành nghề công chứng
UBND	: Ủy ban nhân dân
VPCC	: Văn phòng công chứng
VPCP	: Văn phòng chính phủ
VPHC	: Vi phạm hành chính
VPPL	: Vi phạm pháp luật

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1 – Bảng thống kê số việc chứng thực, số lệ phí chứng thực được thực hiện tại UBND quận Gò Vấp giai đoạn 2014 – 2017.

Bảng 2.2 – Bảng thống kê số lượng cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách đã được Phòng Tư pháp quận tập huấn nghiệp vụ chứng thực giai đoạn 2014 – 2017.

Bảng 2.3 – Bảng thống kê số cuộc tuyên truyền pháp luật của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận Gò Vấp có lồng ghép nội dung chứng thực giai đoạn 2014 – 2017.

Bảng 2.4 – Bảng thống kê số liệu các vụ việc bị phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về chứng thực tại UBND quận Gò Vấp giai đoạn 2014 – 2017.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong thời kỳ hội nhập phát triển kinh tế hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đang xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân trong đó cải cách lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp đang được triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu hội nhập. Cải cách hành chính góp phần vào việc xây dựng nền hành chính hiện đại, trong sạch, vững mạnh, phục vụ nhân dân và đồng thời trình tự thủ tục không ngừng được cải cách. Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được thì thực tiễn đòi hỏi cần phải nâng cao hiệu quả trong quản lý nhà nước. Quản lý nhà nước (viết tắt là QLNN) về chứng thực trong giai đoạn hiện nay có vai trò quan trọng không kém so với các lĩnh vực QLNN khác. Tính cấp thiết của đề tài luận văn được thể hiện qua những luận điểm sau:

Thứ nhất, đổi mới công tác QLNN về chứng thực, đặt biệt là đối với cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực như Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) quận phù hợp với thực tiễn nhằm hạn chế những hành vi lợi dụng chứng thực chiếm đoạt tài sản, nguy tạo các giấy tờ dùng trong giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại...

Thứ hai, về mặt lý luận, QLNN về chứng thực vẫn chưa nhận được sự quan tâm, nghiên cứu đúng mức của các giới nghiên cứu chuyên môn. Việc tiếp cận kiến thức về lý luận liên quan đến đề tài này còn gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng đến việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức chuyên trách khi thực hiện nhiệm vụ, cũng như của cá nhân, tổ chức có các quyền, nghĩa vụ liên quan.

Thứ ba, về mặt thực tiễn, QLNN về chứng thực của UBND quận vẫn tồn tại những khó khăn, vướng mắc và xuất hiện những kẽ hở trong quá trình thực thi pháp luật. Quận Gò Vấp có số dân sinh sống đông thứ nhì Thành phố Hồ

Chí Minh và luôn trong tình trạng quá tải việc tiếp nhận và giải quyết chứng thực, đã tạo ra không ít khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện công tác QLNN về chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND quận. Nếu không nhanh chóng có các giải pháp khắc phục những bất cập trên sẽ ảnh hưởng đến chất lượng và hiệu quả QLNN về chứng thực của UBND quận. Do vậy, việc nghiên cứu quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp là một nội dung có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về mặt khoa học và thực tiễn.

Xuất phát từ lý do trên nên tác giả đã mạnh dạn lựa chọn “*Quản lý Nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh*” làm đề tài luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong những năm gần đây nhận thức được vai trò của hoạt động Chứng thực, hoạt động nghiên cứu về chứng thực nói chung và quản lý nhà nước về chứng thực nói riêng rất được quan tâm. Điều này được thể hiện qua những bài báo cáo, tham luận, công trình nghiên cứu, hội thảo, đề tài khoa học... hướng đến nâng cao hiệu quả thực hiện chứng thực, QLNN về chứng thực. Tính đóng góp của những tài liệu này được thể hiện qua sự đa dạng ở góc độ tiếp cận của người nghiên cứu. Tác giả của các công trình, đề tài này là những người có kinh nghiệm trực tiếp trong thực hiện công việc chứng thực hoặc có kiến thức am hiểu về pháp luật chứng thực, công chứng như: luật sư; cán bộ, công chức tư pháp chuyên trách, các nhà nghiên cứu về khoa học hành chính. Tuy nhiên, thực trạng nghiên cứu về vấn đề này hiện nay vẫn còn mang tính hình thức:

Dưới góc độ tiếp cận các trang thông tin điện tử: Tồn tại các bài viết được tổng hợp, cập nhật trên hệ thống trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố, với nội dung xoay quanh những khó khăn

trong QLNN về chứng thực, đề đạt các giải pháp sơ bộ nhằm nâng cao hiệu quả công tác, vốn chưa thể hiện được sự gắn kết với thực tiễn công tác từng địa phương.

- Dưới góc độ khảo sát các công trình luận văn nghiên cứu hiện đã công nhận các công trình nghiên cứu có các đề tài liên quan như sau:

Hà Thị Kim Dung (2010), Quản lý nhà nước về chứng thực ở cấp xã trên địa bàn huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, luận văn Thạc sỹ Quản lý công, Học viện Hành chính. Nội dung luận văn phân tích các vấn đề trong QLNN về chứng thực ở cấp xã và các giải pháp khắc phục từ thực tiễn công tác tại một số xã thuộc địa bàn huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nguyễn Duy Giang (2014), Quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực ở huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, luận văn Thạc sỹ Quản lý công, Học viện Hành chính. Nội dung luận văn nêu những khó khăn, hạn chế và các giải pháp cụ thể nâng cao chất lượng công tác QLNN về chứng thực tại UBND huyện Hoài Đức.

Phan Thanh Hưng (2014), Quản lý nhà nước về chứng thực trên địa bàn Thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, luận văn Thạc sỹ Quản lý công, Học viện Hành chính. Nội dung luận văn đã nêu tình hình QLNN về chứng thực tại UBND Thị xã và UBND các phường thuộc Thị xã Sơn Tây; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị xây dựng các giải pháp chấn chỉnh tình trạng trên, đảm bảo hiệu lực QLNN về chứng thực.

Ngô Sỹ Trung (2010), Nghị định 79/2007/NĐ-CP - Một bước tiến trong cải cách hoạt động chứng thực nước ta”, Tạp chí Tổ chức Nhà nước, 2010, Số 3. Nội dung luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề QLNN về chứng thực tại Thành phố Hà Nội từ thực tiễn tại một số quận, huyện thuộc Thành phố Hà Nội và một số giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN về chứng thực tại thành phố Hà Nội.

Nhìn chung, từ những bài viết, công trình nghiên cứu tác giả có cơ hội tìm hiểu, kết hợp với thực tiễn công tác đã được tiếp cận, tác giả xin có sự chọn lọc dữ liệu trong việc tiếp thu một số nội dung các luận văn liên quan trên, phát triển thành tên đề tài luận văn: “*Quản lý Nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh*”.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận liên quan đến chứng thực và QLNN về chứng thực.

Thứ hai, tìm hiểu về thực trạng công tác QLNN về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp trong giai đoạn năm 2014 – 2017.

Thứ ba, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển kinh tế - xã hội của các quận trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản nêu trên luận văn nghiên cứu những nhiệm vụ sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và pháp lý về chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực một cách toàn diện nhất.

- Đánh giá một cách khách quan nhất về các ưu điểm và hạn chế trong quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn quản lý nhà nước về chứng thực.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Về thời gian: giai đoạn năm 2014 – 2017.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở lý luận

Luận văn này chủ yếu lấy phương pháp duy vật biện chứng Chủ nghĩa triết học Mác-Lênin làm, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật của Nhà nước làm cơ sở lý luận và nền tảng nghiên cứu, trong đó chú trọng các phương pháp kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, phương pháp phân tích và tổng hợp.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu là một trong những cơ sở quan trọng được sử dụng để nghiên cứu các đề tài khoa học trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể được sử dụng trong luận văn bao gồm: Phương pháp hệ thống, so sánh, đối chiếu; Phương pháp thu thập và phân tích số liệu...

6. Ý nghĩa luận và thực tiễn

Về lý luận, tác giả hy vọng luận văn sẽ góp phần bổ sung và phát triển một cách hệ thống cơ sở lý luận về chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực.

Về thực tiễn, tác giả hy vọng luận văn có thể đóng góp những giải pháp cụ thể và phù hợp với tình hình đặc điểm quản lý nhà nước về chứng thực của quận Gò Vấp, qua đó tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực của cấp huyện trong bối cảnh xây dựng chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài Phần Mở Đầu, Phần Kết Luận, Danh mục Tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm 3 Chương cơ bản:

Chương 1: Cơ sở lý luận và pháp lý của quản lý nhà nước về chứng thực.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC

1.1. Những vấn đề chung về chứng thực

1.1.1. Khái niệm chứng thực

Hoạt động chứng thực là công cụ đáng tin cậy và phục vụ đời sống và kinh tế của người dân. Tìm hiểu khái niệm chứng thực, có thể tiếp cận theo một số góc độ sau:

“*Chứng thực*” trong tiếng Anh có nghĩa là “*certify*”, trong văn viết nghĩa là “*chứng minh điều gì đó là đúng*” .

Chứng thực có thể được hiểu: “*Chứng thực lời khai. Xác nhận là đúng. Thực tiễn đã chứng minh điều đó*” [35, tr.186] .

Về khía cạnh ngôn ngữ, theo Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ, Nxb Đà Nẵng năm 1997 định nghĩa “*chứng thực*” là: “*Sao. Chép lại hoặc tạo ra bản khác theo đúng bản gốc (thường nói về giấy tờ hành chính). Sao đúng nguyên văn một tài liệu. Sao y bản chính. Bản sao*” hay “*Nhận cho để làm bằng là đúng sự thật. Chứng thực lời khai. Xác nhận là đúng. Thực tiễn đã chứng thực điều đó*”. Nghĩa của từ “*chứng thực*” xét về góc độ ngôn ngữ còn tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau [36].

Xét về khía cạnh pháp lý, khái niệm “*chứng thực*” không dễ định nghĩa, cần hiểu về các định nghĩa khác nhau về chứng thực trong lý luận khoa học pháp lý ở một số quốc gia và tại Việt Nam qua các thời kỳ.

Tại Thụy Sĩ chỉ có quy định điều chỉnh về hoạt động chứng thực mà chưa có sự tách biệt riêng thành Luật Công chứng, Luật Chứng thực như: “*Việc chứng thực áp dụng đối với chữ ký, bản sao chụp, trích lục, sao chép hoặc bản dịch*” [25].

Tại Cộng hoà Liên bang Đức, tại Điều 39 Chương III Luật Công chứng ngày 28 tháng 9 năm 1969 quy định về chứng thực đơn giản: *“Khi chứng thực chữ ký, dấu vân tay, tên hãng cũng như khi chứng thực thời điểm xuất trình giấy tờ cá nhân, chứng thực việc đã vào sổ đăng ký hoặc chứng thực các bản sao lục và các văn bản đơn giản khác thì chỉ cần một văn bản công chứng thay vì biên bản công chứng, trong đó có chữ ký, dấu niêm phong và ghi rõ ngày, nơi lập, văn bản công chứng là đủ”* [25].

Như vậy, văn bản pháp luật của một số nước cũng chỉ đưa ra thuật ngữ “chứng thực” là những hành động cụ thể mà không đưa ra khái niệm nhất quán về “chứng thực”.

Ở nước ta, trong *Sắc lệnh số 59/SL* của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ấn định thể lệ việc thi thực các giấy tờ, Người không dùng “chứng thực” mà sử dụng thuật ngữ “thi thực”:

“Các Ủy ban có quyền thi thực tất cả các giấy má trong địa phương mình, bất kỳ người đương sự làm giấy má ấy thuộc về quốc tịch nào. Tuy nhiên, Ủy ban thi thực phải là Ủy ban ở trú quán một bên đương sự lập ước và về việc bất động sản phải là Ủy ban ở nơi sở tại bất động sản”[36].

Thông tư số 858/QLTPK ngày 10 tháng 10 năm 1987 quy định về công chứng nhà nước là văn bản pháp luật đầu tiên xuất hiện thuật ngữ “chứng thực”: Công chứng viên có thể chứng thực chữ ký của người lập ra các đơn từ, giấy tờ khác có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Tại Điều 19 Nghị định số 31/CP ngày 18 tháng 5 năm 1996 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của công chứng nhà nước:

“UBND quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh chứng thực các việc do pháp luật quy định và chứng thực bản sao giấy tờ từ bản chính, trừ các

việc được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 18 của Nghị định này UBND xã, phường, thị trấn chứng thực việc từ chối nhận di sản, chứng thực di chúc và các việc khác do pháp luật quy định” [8].

Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ là văn bản pháp luật đầu tiên quy định khái niệm “*chứng thực*”: Đó là “*Việc UBND cấp huyện, cấp xã xác nhận sao y giấy tờ, hợp đồng, giao dịch (HĐ, GD) và chữ ký của cá nhân trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của họ theo quy định của Nghị định này*” [9].

+ Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký (viết tắt là Nghị định số 79/2007/NĐ-CP) không có khái niệm chung về “*chứng thực*” mà chỉ đưa ra khái niệm về chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký:

“Chứng thực bản sao từ bản chính là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính”; “Chứng thực chữ ký là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người đã yêu cầu chứng thực” [10].

Hiện nay, theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/12/ 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực HĐ, GD (viết tắt là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP) kế thừa khái niệm về “*chứng thực*” của Nghị định số 79/2007/NĐ-CP và bổ sung thêm quy định mới về khái niệm “*chứng thực hợp đồng (viết tắt là HĐ), giao dịch (viết tắt là GD)*”. Theo Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định như sau:

*“**Chứng thực bản sao** từ bản chính là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.*

***Chứng thực chữ ký** là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người yêu cầu chứng thực.*

***Chứng thực hợp đồng, giao dịch** là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.*

***Bản chính** là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp lần đầu, cấp lại, cấp khi đăng ký lại; những giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan tổ chức có thẩm quyền” [15].*

Tóm lại, trải qua các thời kỳ cho đến nay, Việt Nam hiện chưa có văn bản pháp luật nào có khái niệm rõ ràng và đúng bản chất của hoạt động chứng thực, mà chỉ là khái niệm gắn chứng thực với một việc cụ thể. Tuy nhiên, có thể khái quát khái niệm chứng thực như sau: *Chứng thực là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực xác nhận tính chính xác, hợp pháp của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, các sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các cá nhân, tổ chức có liên quan trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính...*

1.1.2. Đặc điểm của chứng thực

- Chứng thực là hoạt động mang tính chất hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện

Hoạt động chứng thực phải do UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài là những cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Không giống như hoạt động công chứng không mang tính quyền lực nhà nước và có thể ủy quyền cho một cơ quan khác thực hiện là các Văn phòng công chứng.

- Hai là xác thực giá trị pháp lý của văn bản theo quy định của pháp luật

Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị pháp lý sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch. Cũng như chữ ký được chứng thực là xác nhận người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó và là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký giấy tờ, văn bản đó.

- Ba là cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản

Người tiếp nhận các văn bản, giấy tờ đã được chứng thực của UBND các cấp không được yêu cầu xuất trình bản chính để đối chiếu, nếu có dấu hiệu nghi ngờ giả mạo thì có quyền xác minh. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện thủ tục chứng thực theo đúng quy định pháp luật, nếu có sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, tùy theo mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1.1.3. Các loại chứng thực

Có hai cách phân loại hoạt động chứng thực:

Cách thứ nhất: Căn cứ theo thẩm quyền thực hiện (theo quy định tại Khoản 1,2,3,4 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP):

- Chứng thực thực hiện tại UBND cấp huyện gồm: Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt

Nam, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản; Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.

- *Chứng thực thực hiện tại UBND cấp xã:* Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận; Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch; Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở; Chứng thực di chúc; Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản.

- *Chứng thực được thực hiện tại cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài:* có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài; chữ ký người dịch trong các bản dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

Cách thứ hai: Căn cứ theo nội dung (theo quy định tại Khoản 1, 2, 3, Điều 5 Nghị định 23/2015/NĐ-CP):

- *Chứng thực bản sao từ bản chính:* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

- *Chứng thực chữ ký*: là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản là chữ ký của người đã yêu cầu chứng thực.

- *Cấp bản sao từ sổ gốc (hoặc được gọi là chứng thực bản sao từ sổ gốc)*: là việc cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc, căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao. Bản sao từ sổ gốc phải có nội dung đúng với nội dung ghi trong sổ gốc.

- *Chứng thực hợp đồng, giao dịch*: là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

1.1.4. Thẩm quyền chứng thực

Thẩm quyền chứng thực là một trong những nội dung trọng tâm của QLNN về chứng thực, là thủ tục hành chính được pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện và cấp xã và là đối tượng kiểm soát thủ tục hành chính tại địa phương.

Hiện nay, công tác chứng thực thuộc thẩm quyền cấp huyện và cấp xã, được pháp luật quy định cụ thể:

Ở cấp huyện, trách nhiệm chứng thực của UBND cấp huyện được thực hiện dưới sự tham mưu của Phòng Tư pháp cấp huyện, quy định tại Khoản 1, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Công văn 1352/HTQTCT-CT.

QLNN về chứng thực cấp xã do UBND cấp xã thực hiện dưới sự tham mưu của công chức Tư pháp – Hộ tịch và công chức Văn phòng – thống kê, quy định tại Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

Cũng cần lưu ý rằng các loại việc chứng thực nêu trên chỉ được thực hiện tuân thủ theo Điều 22 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về các trường hợp không được chứng thực.

1.2. Khái niệm, chủ thể, nội dung và vai trò của quản lý nhà nước về chứng thực

1.2.1. Khái niệm và đặc điểm của quản lý nhà nước về chứng thực

Quản lý theo tiếng Anh là “Administration”, có nghĩa là quản lý (hành chính, chính quyền) hay còn có nghĩa là “*quản trị kinh doanh*”.

Theo ngôn ngữ học, thuật ngữ “*quản lý*” gồm 2 quá trình: quá trình “*quản*” là sự giữ gìn, duy trì trạng thái ổn định và quá trình “*lý*” là việc sắp xếp, đổi mới để giúp tổ chức “*phát triển*”.

Các nhà quản lý học nổi tiếng ở các thế kỷ XIX - XX định nghĩa về quản lý như sau:

- Mary Parker Follet: “*Quản lý là nghệ thuật khiến cho công việc được thực hiện thông qua người khác*” [37, tr.6].

- Harol Koontz: “*Quản lý là một nghệ thuật nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra thông qua việc điều khiển, chỉ huy phối hợp, hướng dẫn hoạt động của những người khác*” [38, tr.4] .

- Henry Fayol: “*Quản lý là một hoạt động mà mọi tổ chức (gia đình, doanh nghiệp, Chính phủ) đều có, nó gồm 5 yếu tố tạo thành là: kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều chỉnh và kiểm soát. Quản lý chính là thực hiện kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo điều chỉnh và kiểm soát ấy*”[39] .

Từ các quan niệm trên, có thể định nghĩa: *Quản lý chính là sự tác động của chủ thể quản lý, dựa trên những cơ sở, nguyên tắc đã định lên đối tượng quản lý nhằm đạt được mục tiêu quản lý.*

Từ những nhận định trên có thể định nghĩa QLNN về chứng thực như sau: *QLNN về chứng thực là quá trình tác động, điều hành của Nhà nước dưới các hình thức và phương pháp thích hợp nhằm đảm bảo chứng thực được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.*

Quản lý nhà nước là hoạt động chấp hành và điều hành có tính tổ chức, để thi hành pháp luật và được bảo đảm thực hiện bởi hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao,... Quản lý nhà nước về chứng thực có những đặc điểm của quản lý nhà nước nói chung và quản lý nhà nước trên các lĩnh vực khác. Tuy nhiên quản lý nhà nước về chứng thực có những đặc điểm đặc thù riêng như sau:

Một là chủ thể thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực

Chủ thể quản lý nhà nước về chứng thực là các cơ quan nhà nước cụ thể là: Chính phủ thực hiện quản lý chung, UBND các cấp thực hiện quản lý theo địa giới hành chính; các cơ quan quản lý ngành là Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật. Các cơ quan quản lý nhà nước về chứng thực được tổ chức thống nhất và hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất chỉ đạo, điều hành quản lý từ Trung ương xuống địa phương.

Hai là về công cụ quản lý nhà nước về chứng thực

Quản lý nhà nước về chứng thực sử dụng các quy định pháp luật về chứng thực dưới hình thức một hệ thống được hình thành từ nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, bao gồm các “các quy định luật thủ tục” và “các quy định luật nội dung”.

+Về các quy định luật thủ tục: là hệ thống các quy phạm pháp luật quy định thủ tục, trình tự tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động chứng thực.

Về nội dung, luật thủ tục gồm các quy định về các loại chứng thực; trình tự thực hiện chứng thực; kiểm tra, giám sát hoạt động chứng thực; về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các chủ thể; về nguyên tắc tổ chức, hoạt động bộ máy hoạt động cơ quan Tư pháp; về thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về chứng thực; về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về chứng thực...

+ Về các quy định luật nội dung: là hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về chế độ, chính sách; phí lệ phí trong hoạt động chứng thực...

Ba là về đối tượng quản lý nhà nước về chứng thực

Đối tượng quản lý nhà nước về chứng thực gồm cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động chứng thực và được quản lý theo chuyên ngành dọc (UBND cấp dưới được quản lý bởi cơ quan nhà nước cấp trên). UBND cấp Tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước trong đó có hoạt động chứng thực tại địa phương quản lý.

Các cơ quan khác của Nhà nước là đối tượng quản lý nhà nước về chứng thực gồm: Bộ Tài chính, Cục kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ ngoại giao... khi thực hiện chức năng phối hợp hoạt động và chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các chủ thể quản lý có thẩm quyền.

Bốn là về mục đích quản lý nhà nước về chứng thực

Mục đích chung của quản lý nhà nước về chứng thực nhằm thể chế hoá đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Mục đích riêng của quản lý nhà nước về chứng thực là đảm bảo hoạt động chứng thực được thực hiện đúng theo quy định pháp luật, đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan đến hoạt động chứng thực, đảm bảo giá trị về mặt pháp lý của hoạt động chứng thực.

1.2.2 Chủ thể của quản lý nhà nước về chứng thực

Theo quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015, Chủ thể quản lý nhà nước về chứng thực bao gồm:

+ Chính phủ (Luật tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13)

Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Chính phủ ban hành, tổ chức triển khai thi hành các văn bản pháp luật về chứng thực; chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tổng hợp đánh giá tình hình thi hành pháp luật về chứng thực.

+ Bộ Tư pháp trong quản lý nhà nước về chứng thực (Điều 41 Nghị định 23/2015/NĐ-CP)

Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về chứng thực trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Soạn thảo, trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực;

2. Hướng dẫn, chỉ đạo chung việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực;

3. Kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền;

4. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực;

5. Hợp tác quốc tế về chứng thực;

6. Hàng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu các việc về chứng thực báo cáo Chính phủ.

+ Bộ Ngoại giao trong quản lý nhà nước về chứng thực (Điều 42 Nghị định 23/2015/NĐ-CP)

Bộ Ngoại giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và viên chức lãnh sự, viên chức ngoại giao được giao thực hiện nhiệm vụ. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

+ Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý nhà nước về chứng thực (Điều 43 Nghị định 23/2015/NĐ-CP)

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký tại địa phương.

Ngoài các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về chứng thực còn có các cơ quan thực hiện quyền giám sát đối với hoạt động quản lý đó như: Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân (viết tắt là HĐND) các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân giám sát việc thi hành các quy định

pháp luật về chứng thực theo quy định của pháp luật và các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về chứng thực.

1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về chứng thực

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và các văn bản điều chỉnh có liên quan, QLNN về chứng thực gồm các nội dung sau:

1.2.3.1. Xây dựng, ban hành văn bản quản lý nhà nước về chứng thực

Một trong những nội dung cơ bản quan trọng của quản lý nhà nước về chứng thực là công tác xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật (viết tắt là QPPL) về chứng thực vì các văn bản pháp luật là cơ sở đầu tiên và quan trọng giúp các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà nước về chứng thực có hiệu quả.

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 41, Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các Bộ có liên quan tham mưu Chính phủ trình Quốc hội xây dựng văn bản QPPL về chứng thực, tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền QLNN chứng thực triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, công tác rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực đặc biệt quan trọng nhằm khắc phục kịp thời những bất cập, hạn chế, nâng cao chất lượng của pháp luật chứng thực và đặc biệt là tạo điều kiện cho công tác quản lý và áp dụng văn bản qui phạm pháp luật về chứng thực đạt hiệu quả cao.

Quá trình xây dựng pháp luật về chứng thực được triển khai thực hiện ngay từ giai đoạn đầu khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời và đến nay đang trong giai đoạn hoàn thiện nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về chứng thực và QLNN về chứng thực, trên cơ sở tách bạch nội dung công tác chứng thực và công chứng và đáp ứng nhiệm vụ

cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 mà Bộ Chính trị đã đề ra.

1.2.3.2. Tổ chức thực hiện văn bản quản lý nhà nước về chứng thực

Xây dựng một hệ thống pháp luật phù hợp với yêu cầu của xã hội là không dễ nhưng việc đảm bảo để pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh còn khó khăn, phức tạp hơn. Tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước về chứng thực nhằm điều chỉnh các quan hệ chứng thực được tiến hành chủ yếu là triển khai thực hiện và áp dụng pháp luật về chứng thực.

Về tổ chức triển khai thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực được đảm bảo thực hiện một cách thông suốt bởi hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước (viết tắt là HCNN) từ trung ương đến địa phương. Ở cấp trung ương, trách nhiệm tổ chức triển khai văn bản QPPL do Bộ Tư pháp thực hiện bằng việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục và tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ nhiều hình thức, biện pháp phù hợp. Ở cấp địa phương, việc tổ chức triển khai văn bản QPPL được thực hiện liên tục, thông suốt bởi UBND các cấp bằng cách xây dựng Kế hoạch triển khai hàng năm và tổ chức quán triệt đến các đơn vị cơ sở, đảm bảo văn bản QPPL đi vào đời sống xã hội. Trong tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực, các cơ quan có thẩm quyền từ Trung ương đến địa phương phải có sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng thì mới thực hiện các quy định pháp luật về chứng thực đạt hiệu quả cao.

Về áp dụng các quy định pháp luật về chứng thực là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chứng thực tổ chức cho các chủ thể tham gia hoạt động chứng thực chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật về chứng thực và tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng thực.

1.2.3.3. Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về chứng thực

- Về thực hiện thanh tra, kiểm tra trong quản lý nhà nước về chứng thực:

Thanh tra, kiểm tra là một trong những nội dung quan trọng không thể thiếu trong công tác QLNN về chứng thực nhằm giúp chủ thể QLNN kiểm soát và bảo đảm các đối tượng quản lý chấp hành đúng các quy định của pháp luật về chứng thực; đồng thời là giải pháp góp phần hoàn thiện cơ chế quản lý, các chính sách pháp luật, chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực và bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Công tác thanh tra về chứng thực hiện nay được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành tư pháp và Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Các văn bản này quy định cụ thể về thẩm quyền của lực lượng thanh tra Tư pháp, trình tự, thủ tục về thanh tra đối với công tác QLNN về chứng thực.

Đối với công tác kiểm tra chứng thực, Chính phủ vẫn chưa có văn bản QPPL nào quy định về thẩm quyền, hình thức, phương pháp kiểm tra cụ thể. Công tác kiểm tra chứng thực thường được thực hiện lồng ghép với các cuộc kiểm tra tư pháp do UBND cấp tỉnh (dưới sự tham mưu của Sở Tư pháp) và UBND cấp huyện (dưới sự tham mưu của Phòng Tư pháp cấp huyện) thực hiện đối với cơ quan QLNN về chứng thực cấp dưới.

Từ những kết luận thanh tra, kiểm tra về thực hiện QLNN về chứng thực, các cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực sẽ xây dựng những giải pháp chấn chỉnh phù hợp với từng đối tượng trong phạm vi quản lý, thúc đẩy hiệu quả trong QLNN về chứng thực.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến chứng thực

Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến chứng thực giúp đảm bảo quyền và lợi ích của các cá nhân, tổ chức có liên quan khi có dấu hiệu bị xâm phạm, đồng thời góp phần đảm bảo tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật, khẳng định bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Trong QLNN về chứng thực, trách nhiệm và quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2012, Luật Tố cáo năm 2012. Đối với quy trình xử lý vi phạm hành chính (viết tắt là VPHC) được quy định cụ thể tại Luật Xử lý VPHC năm 2012; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 về sửa đổi Nghị định 110/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Những văn bản pháp luật trên là căn cứ pháp luật để các cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong khuôn khổ quy định pháp luật xử lý VPHC. Riêng việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các hành vi làm giả con dấu, giấy tờ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015.

1.2.4. Vai trò của quản lý nhà nước về chứng thực

Thứ nhất, đảm bảo các hoạt động chứng thực được triển khai thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Với sự quản lý và việc qui định chặt chẽ về trình tự, thủ tục chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền giúp tạo hành lang pháp lý cho các cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động chứng thực phải thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Thứ hai, là bảo đảm pháp lý cho các giao dịch dân sự, kinh tế, giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Văn bản chứng thực có giá trị pháp lý cao, được sử dụng thay thế cho bản chính khi thực hiện các thủ tục hành chính, các giao dịch dân sự và giúp cho các cá nhân, tổ chức bảo vệ quyền lợi của mình khi xảy ra tranh chấp. Văn bản chứng thực là cơ sở pháp lý khi đưa ra xét xử để bác bỏ lập luận của đối phương. Ngoài việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể thì việc quản lý nhà nước bằng pháp luật về chứng thực còn góp phần nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ, đề cao tinh thần trách nhiệm công dân đối với nhà nước và xã hội.

Thứ ba, là góp phần thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế

Quản lý nhà nước về chứng thực hiệu quả sẽ giúp bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân, tăng số lượng giao dịch, hợp đồng, các thủ tục hành chính, qua đó sẽ thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của đất nước phát triển. Bên cạnh đó, trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, quản lý nhà nước về chứng thực có hiệu quả là tiền đề cho sự giao lưu dân sự, kinh tế và thương mại quốc tế, với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về chứng thực

Thông qua các khái niệm, đặc điểm, chủ thể, nội dung và vai trò của quản lý nhà nước về chứng thực có thể rút ra một số yếu tố ảnh hưởng tới công tác quản lý nhà nước về chứng thực như sau:

1.3.1. Sự hoàn thiện của các quy định pháp luật về chứng thực

Pháp luật về chứng thực là pháp luật về thủ tục, vì vậy pháp luật về chứng thực phụ thuộc và phải bám sát các quy định mang tính “nội dung” của pháp luật thuộc các chuyên ngành khác như pháp luật về dân sự, hôn nhân và gia đình, đất đai, nhà ở... nhằm tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn với các văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực khác và văn bản chứng thực có thể bị vô hiệu. Ví dụ: Pháp luật về Đất đai (pháp luật nội dung) quy định người có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà còn đang nợ tiền sử dụng đất thì không được thực hiện giao dịch, vì vậy trong trường hợp hợp đồng, giao dịch đó sẽ bị coi là vô hiệu và không thực hiện chứng thực được.

Việc thực hiện các thủ tục hành chính, các giao dịch về dân sự, đất đai, nhà ở ... cần sự xác nhận chính xác. Pháp luật chứng thực là pháp luật tạo ra sự xác nhận chính xác và sự tin tưởng lẫn nhau. Vì vậy, pháp luật chứng thực chính là công cụ pháp lý để đảm bảo lòng tin, ngăn ngừa sự lừa dối giữa các bên, mặt khác phòng ngừa tranh chấp, vi phạm pháp luật, góp phần ổn định xã hội.

Pháp luật về chứng thực là công cụ rất quan trọng. Vì vậy công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng thực phải đảm bảo phù hợp với bản chất của hoạt động chứng thực, vừa đảm bảo phù hợp với các chuyên ngành pháp luật khác có liên quan để tránh tình trạng mâu thuẫn, chồng chéo.

Pháp luật về chứng thực tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động chứng thực, quản lý nhà nước về chứng thực và bảo vệ quyền lợi của công dân, tổ chức do vậy việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về chứng thực là hết sức quan trọng và ảnh hưởng không nhỏ trong quản lý nhà nước về chứng thực.

1.3.2. Công tác tổ chức thực hiện pháp luật về chứng thực

Pháp luật là công cụ quan trọng để nhà nước tổ chức quản lý xã hội do vậy nhà nước cần phải thực hiện các hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, xử lý vi phạm pháp luật. Đây là ba hoạt động quan trọng và hoạt động quản lý nhà nước nói chung cũng như quản lý nhà nước về chứng thực nói riêng sẽ không thực hiện được nếu thiếu một trong ba hoạt động trên. Do đó mà tổ chức thực hiện pháp luật về chứng thực là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về chứng thực.

Sau khi xây dựng một hệ thống pháp luật về chứng thực phù hợp thực tiễn xã hội thì việc đảm bảo để pháp luật được thực thi nghiêm chỉnh còn khó khăn, phức tạp hơn do pháp luật được ban hành không thể đi vào đời sống mà phải thông qua việc tổ chức thực hiện pháp luật trên thực tế.

Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về chứng thực nhằm đưa các qui phạm pháp luật về chứng thực vào điều chỉnh các quan hệ chứng thực, tăng cường nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng thực.

1.3.3. Năng lực, trình độ, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức tư pháp

Trên tất cả, để QLNN về chứng thực hiệu quả không thể không kể đến vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức có liên quan, là chủ thể thực hiện và vận dụng các quy định của pháp luật vào thực tiễn đời sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định:

“Cán bộ là những người đem chính sách của Đảng, của Chính phủ giải thích cho dân hiểu rõ và thi hành. Đồng thời đem tình hình của dân chúng báo cáo cho Đảng, cho Chính phủ hiểu rõ, để đặt chính sách cho đúng” [17, tr.269].

Cán bộ, công chức phải là những người đầy tớ trung thành của nhân dân, và có phẩm chất đạo đức tốt đẹp, hai mặt đức và tài không thể thiếu và coi nhẹ mặt nào. Người từng dạy: “*có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó*” [17, tr.252-280] ...

Về trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách: Phải không ngừng bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng ứng dụng các công nghệ thông tin để giải quyết nhanh chóng các yêu cầu về giải quyết thủ tục hành chính về chứng thực, tăng cường sự hài lòng của người dân, đồng thời nâng cao hiệu quả QLNN.

1.3.4. Nhận thức của cộng đồng dân cư về công tác chứng thực

Ngày nay đời sống, trình độ tri thức, nhận thức nói chung và nhận thức pháp luật nói riêng của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn quận dân được nâng cao. Người dân ngày càng quan tâm hơn đến pháp luật, ý thức chấp hành, thực hiện pháp luật có thay đổi rõ rệt. Nhân dân đã nhận thức sâu sắc hành vi của mình để có thể thực hiện tốt hơn những quy định của pháp luật nói chung và pháp luật về chứng thực nói riêng.

Tuy nhiên, bên cạnh đó ý thức pháp luật của người dân vẫn còn nhiều hạn chế. Một bộ phận không nhỏ người dân từ các tỉnh thành khác nhập cư vào quận Gò Vấp để làm việc và sinh sống có trình độ nhận thức pháp luật thấp. Ví dụ: thói quen phong tục tập quán ở quê nhà, theo kiểu thân quen với suy nghĩ là chỉ cần mang bản photo ra UBND mà không mang theo bản chính cũng chứng thực được gây ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình quản lý nhà nước về chứng thực. Cần phải có những biện pháp triển khai thích hợp để hoạt động quản lý nhà nước về chứng thực được tốt hơn.

Bên cạnh đó, một số người dân chưa hiểu đầy đủ việc sử dụng bản sao bởi vì một số thủ tục hành chính buộc người dân phải nộp bản sao y có chứng

thực, một số không quy định bắt buộc mà chỉ cần nộp bản photo đã được đối chiếu bản chính nhưng người dân vẫn quan niệm là cứ chứng thực cho đảm bảo.

Ngoài ra, một số người dân xem thường pháp luật do biện pháp chế tài của nước ta chưa nghiêm, chưa đủ tính răn đe để ngăn ngừa sự tái phạm. Ví dụ khi phát hiện giấy tờ, văn bản giả mạo được đem đi chứng thực thì cơ quan thực hiện chứng thực chỉ dừng lại ở mức độ tạm giữ tang vật vi phạm để tiến hành xác minh, thực tế không thể áp dụng hình thức xử lý phạt tiền một cách triệt để.

1.3.5. Xu hướng vận dụng mô hình “quản lý công mới” và sự thay đổi nhận thức, quan điểm, tư duy về dịch vụ hành chính công

"*Quản lý công mới*" là thuật ngữ dùng để chỉ các hoạt động cải cách diễn ra trong nền hành chính của các nước thuộc Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) cuối thập kỷ 80 và đầu thập kỷ 90.

Mô hình tổ chức và cung cấp dịch vụ công truyền thống mang tính độc quyền, tập trung cao, quan liêu máy móc mà hiệu quả thấp, chi phí cao và không đáp ứng được yêu cầu phát triển xã hội. Mô hình "*quản lý công mới*" sẽ mang đến một nền hành chính gọn nhẹ, cơ cấu tổ chức đơn giản và các nhà quản lý sẽ được quyền chủ động, sáng tạo hơn do vậy các tổ chức cung cấp dịch vụ phải đảm bảo chất lượng để cạnh tranh [19].

Sự ra đời của mô hình "*quản lý công mới*" đã giúp chuyển từ mô hình hành chính công truyền thống sang quản lý công và thay đổi cách thức hoạt động của khu vực công. Một số đặc tính của mô hình "*quản lý công mới*" như: hiệu quả hoạt động quản lý, phi quy chế hoá, phân quyền, tư nhân hoá một phần hoạt động của Nhà nước, xu hướng quốc tế hoá....giúp khắc phục những yếu kém không phù hợp của mô hình hành chính truyền thống [24].

Hiện nay, cải cách hành chính mang tính toàn cầu. Các nước đang phát triển và các nước phát triển đều xem cải cách hành chính như một động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển dân chủ và các mặt khác của đời sống xã hội.

Nền kinh tế Việt Nam cũng đang vận hành theo cơ chế thị trường và hội nhập nền kinh tế toàn cầu. Do đó, nền hành chính Việt Nam cần gìn giữ, phát huy các giá trị, truyền thống quý báu, đồng thời tiếp thu có chọn lọc các tri thức phát triển hành chính của các nước áp dụng thành công mô hình "*quản lý công mới*" trong xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp Việt Nam.

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, với đề tài “Quản lý nhà nước về chứng thực từ thực tiễn quận Gò Vấp” luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về chứng thực như: các khái niệm, đặc điểm, các loại chứng thực, thẩm quyền chứng thực và khái niệm, chủ thể QLNN về chứng thực; nội dung và vai trò của quản lý nhà nước về chứng thực; các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về chứng thực...

Các quy định pháp luật về chứng thực là cơ sở để quản lý nhà nước về chứng thực do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ.

Việc bảo vệ các quy định pháp luật về chứng thực được thực hiện bằng các hoạt động thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm các quy định pháp luật về chứng thực nhằm có biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các vi phạm pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân, phát huy dân chủ, vai trò giám sát của Nhân dân đối với hoạt động quản lý nhà nước về chứng thực.

Luận văn hy vọng cung cấp nền tảng kiến thức lý luận cơ bản về công tác QLNN về chứng thực, giúp các cá nhân, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách có nhận thức cơ bản về công tác chứng thực; đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm, hoàn thành tốt trong thi công vụ và tiếp tục khẳng định vị thế của công tác QLNN về chứng thực.

Tổng diện tích mặt đất tự nhiên là 1.975,85 ha. Dân số ước tính là 636.033 người (số liệu năm 2016). Quận Gò Vấp là một trong những quận nội thành của Thành phố Hồ Chí Minh, có tốc độ phát triển kinh tế cao với cư dân đông đúc đứng thứ 2 trong tổng số 24 quận, huyện thuộc địa bàn thành phố.

Về cơ cấu hành chính có 16 Phường (gọi theo số) gồm: Phường 1, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 (không có Phường 2) với Phường 10 nằm vị trí trung tâm Quận.

Về cơ cấu tổ chức của UBND quận Gò Vấp gồm: 01 Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch và 14 Ủy viên là Thủ trưởng của 12 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự quận Gò Vấp (ủy viên phụ trách quân sự) và Trưởng Công an quận Gò Vấp (ủy viên phụ trách công an).

Về kinh tế và xã hội: Thực hiện định hướng phát triển theo cơ cấu kinh tế của Thành phố với trọng tâm là “Thương mại - Dịch vụ - Công nghiệp”, quận Gò Vấp đã định hướng thay đổi cơ cấu từ công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, thương mại – dịch vụ và du lịch sang định hướng cơ cấu: dịch vụ - công nghiệp. Trong năm 2017, giá trị sản xuất ngành thương mại – dịch vụ ước thực hiện 32.800 tỷ đồng, tăng 15,96% so với cùng kỳ; giá trị sản xuất các ngành kinh tế và tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ có mức tăng trưởng khá; giá trị sản xuất Công nghiệp - xây dựng ước đạt 17.700 tỷ đồng, tăng 4,78%, so với năm 2016; thu ngân sách nhà nước có sự chuyển biến tích cực, ước thực hiện 2.264,746 tỷ đồng, đạt 108,46% chỉ tiêu pháp lệnh (2.088,00 tỉ đồng), đạt 101,04% chỉ tiêu quận phân đầu (2.240,492 tỉ đồng) và bằng 117,14% so với cùng kỳ, các nhiệm vụ chi thường xuyên được đảm bảo. Cơ cấu các ngành kinh tế tiếp tục chuyển dịch đúng hướng: “thương mại -

dịch vụ” chiếm tỷ trọng 64,91%, công nghiệp – xây dựng chiếm tỷ trọng 35,03%, nông nghiệp chiếm tỷ trọng 0,06% [32].

Nhằm phát huy tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội, công tác QLNN trong tất cả các lĩnh vực đặc biệt là chứng thực luôn được các cấp lãnh đạo quận quan tâm và thực hiện nghiêm túc nhằm đạt được mục tiêu quản lý đã đề ra, phấn đấu đưa quận Gò Vấp trở thành một trong những quận có tốc độ phát triển nhanh và bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.2. Hoạt động chứng thực tại quận Gò Vấp từ năm 2014 đến nay

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp, Phòng Tư pháp đã có các hướng dẫn nghiệp vụ cũng như tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, Thông tư 20/2015/TT-BTP hướng dẫn Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch (viết tắt là Thông tư 20/2015/TT-BTP), Thông tư liên tịch 158/2015/TTLT-BTC-BTP quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch, Công văn 1352/HTQTCT-CT năm 2015 thực hiện Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực để có báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp kịp thời chỉ đạo.

- Về tổ chức nhân sự

Tại bộ phận tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính một cửa, Văn phòng UBND quận Gò Vấp bố trí một công chức tiếp nhận hồ sơ chứng thực; hồ sơ chứng thực được Phòng Tư pháp thụ lý giải quyết, duy trì thường xuyên một công chức thực hiện và ký chứng thực duy trì ba đồng chí là Trưởng phòng Tư pháp và hai Phó Trưởng phòng luân phiên đảm nhiệm ký, riêng việc làm thêm vào buổi sáng thứ Bảy hàng tuần tại các cơ quan hành chính trên địa bàn

quận Gò Vấp đến nay vẫn thực hiện tốt, đảm bảo duy trì thường xuyên, liên tục; ở Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch, các Phó chủ tịch phường đảm bảo việc giải quyết và giao trả kết quả ngay cho nhân dân theo quy định, không có trường hợp nào trễ hẹn.

Phòng Tư pháp thường xuyên hướng dẫn công tác chứng thực cho các Phường thông qua các cuộc họp giao ban công tác Tư pháp – Hộ tịch hàng quý. Khi có văn bản, thông báo hướng dẫn của cấp trên liên quan đến công tác chứng thực đều được Phòng Tư pháp sao gửi cho bộ phận chứng thực và UBND 16 phường để thực hiện; ngoài ra các trường hợp vướng mắc tại bộ phận chứng thực tại UBND 16 phường đều được lãnh đạo Phòng Tư pháp hướng dẫn giải quyết kịp thời.

- Về cơ sở vật chất và chế độ lưu trữ

Nơi tiếp nhận và giao trả hồ sơ rộng rãi khang trang được trang bị camera giám sát, hệ thống lấy số thứ tự, máy vi tính nối mạng nội bộ, trang thiết bị văn phòng phẩm được cung cấp đầy đủ kịp thời đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác; từ năm 2006 đến nay, UBND quận Gò Vấp được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2008 đối với các phòng ban chuyên môn có bộ phận tiếp nhận, giao trả hồ sơ, định kỳ kiểm tra đều được đánh giá đạt kết quả tốt.

Thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, tại UBND cấp quận và UBND cấp phường việc nhập liệu lưu trữ những thông tin đã được chứng thực bản sao vào biểu mẫu sổ chứng thực trên máy vi tính trước khi trả kết quả chứng thực cho người dân, góp phần giảm tải về kho lưu trữ.

Chế độ lưu trữ hồ sơ sổ sách chứng thực tiếp tục duy trì thực hiện đúng theo quy định; vào cuối tháng một hàng năm Phòng Tư pháp thực hiện bàn

giao sổ sách, hồ sơ giấy tờ đã được chứng thực vào kho lưu trữ chung của UBND quận.

- Về thực hiện chứng thực theo thẩm quyền

Trong giai đoạn từ năm 2014 – 2017, Phòng Tư pháp quận đã thực hiện các số lượng việc với mức thu lệ phí cụ thể, được thể hiện qua Bảng 2.1:

Bảng 2.1. Bảng thống kê số việc chứng thực, số lệ phí chứng thực được thực hiện tại UBND quận Gò Vấp giai đoạn 2014 – 2017

Số việc chứng thực/ Lệ phí		Năm			
		2014	2015	2016	2017
Bản sao từ bản chính	Số việc	47.296	66.996	42.939	39.957
	Lệ phí (đồng)	430.296.000	201.402.000	135.044.000	129.782.000
Chữ ký	Số việc (chữ ký trong các giấy tờ, văn bản)	11.462	7.688	369	887
	Số việc (chữ ký người dịch)	149	369	9.386	11.817
	Lệ phí (đồng)	117.170.000	80.570.000	97.550.000	127.040.000
HD, GD	Số việc	0	0	0	0
	Lệ phí (đồng)	0	0	0	0
Các loại việc khác	Số việc	0	0	0	0
	Lệ phí (đồng)	0	0	0	0

Nguồn: Báo cáo UBND quận Gò Vấp từ năm 2014 đến năm 2017

Số liệu ở Bảng 2.1 đã phản ánh số lượng việc chứng thực tại UBND quận luôn duy trì ở mức cao và luôn trong tình trạng quá tải, nhưng vẫn đảm bảo về

trình tự, thủ tục và thời gian thực hiện. Nhu cầu chứng thực năm sau luôn tăng so với năm trước và là cơ sở tạo nguồn thu đóng góp ngân sách nhà nước.

Riêng số liệu đối với mảng chứng thực HĐ, GD tại UBND quận cũng như UBND của 23 quận - huyện còn lại do các cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh không có số liệu do thực hiện theo chỉ thị của UBND Thành phố về chuyển giao thẩm quyền chứng thực HĐ, GD cho các tổ chức hành nghề công chứng: “...*chuyển giao việc chứng thực toàn bộ các HĐ, GD từ UBND quận, huyện sang tổ chức hành nghề công chứng (viết tắt là TCHNCC). Kể từ ngày thực hiện việc chuyển giao thì UBND quận, huyện không còn thẩm quyền chứng thực HĐ, GD...*” [35] và theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Tư pháp, khởi đầu từ Công văn số 1213/BTP-BTTP: “...*Đối với những địa phương đã ban hành quyết định chuyển giao ở một số địa bàn cấp huyện thì cần tiếp tục thực hiện các biện pháp phát triển TCHNCC ở địa phương theo quy hoạch và lộ trình hợp lý để tiếp tục xem xét, quyết định chuyển giao ở những địa bàn còn lại ...*”.

2.2. Tình hình quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thường trực Ủy ban nhân dân quận, cùng với bám sát Kế hoạch chỉ đạo, Chương trình công tác trọng tâm của ngành Tư pháp thành phố, sự hỗ trợ hướng dẫn kịp thời về mặt nghiệp vụ của Sở Tư pháp và cùng với quyết tâm phấn đấu vượt khó khăn, nỗ lực, nhiệt tình và cố gắng của tập thể cán bộ, công chức quận Gò Vấp đã đạt kết quả tốt trong quản lý nhà nước về chứng thực trong ba nội dung chính của quản lý nhà nước về chứng thực như sau:

2.2.1. Về xây dựng, ban hành văn bản quản lý nhà nước về chứng thực

Một trong những nội dung quan trọng giúp quản lý nhà nước về chứng thực đạt được hiệu quả cao là xây dựng, ban hành văn bản quản lý nhà nước

về chứng thực. Do vậy mà lãnh đạo UBND quận Gò Vấp đặc biệt quan tâm và thường xuyên chỉ đạo Phòng Tư pháp và các cơ quan chuyên môn có liên quan tham mưu những văn bản quản lý nhà nước về chứng thực. Cụ thể từ năm 2014 đến 2017 UBND quận Gò Vấp đã ban hành các văn bản như sau:

- UBND quận tổ chức 05 đợt tập huấn về công tác chứng thực theo các Kế hoạch số:

+ Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2014 về việc tổ chức tập huấn thẩm quyền chứng thực một số nội dung theo nội dung Công văn số 3086/HTQTCT-CT; Công văn số 1520/HTQTCT-CT; Công văn số 809/STP-BTTP.

+ Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2015 về việc tổ chức tập huấn theo nội dung Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

+ Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 21 tháng 01 năm 2016 về việc tổ chức tập huấn theo nội dung Thông tư số 20/2015/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Công văn số 4233/BTP-BTTP.

+ Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2016 về việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ chứng thực theo nội dung Công văn số 842/BTP-BTTP.

+ Kế hoạch số 3397/KH-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2017 về việc tổ chức Hội nghị tuyên truyền pháp luật, tập huấn về nghiệp vụ công tác chứng thực, kỹ năng nhận dạng giấy tờ giả.

- Thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 17/2014/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu

câu nộ bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính, Phòng Tư pháp đã tham mưu Chủ tịch UBND ban hành Công văn số 1423/UBND ngày 10/6/2015 về việc chấn chỉnh tình hình lạm dụng bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, Phòng Tư pháp đã có các hướng dẫn nghiệp vụ cũng như tổng hợp các khó khăn, vướng mắc để có báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Sở Tư pháp kịp thời chỉ đạo và tham mưu cho UBND quận ban hành Công văn 446/UBND ngày 04/3/2016 về việc triển khai thực hiện Thông tư 20/2015/TT-BTP và Công văn 435/HTQTCT-CT của Bộ Tư pháp cho UBND 16 phường. Việc thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP đã ổn định, dần đi vào nề nếp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhân dân khi liên hệ công tác.

- Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo kịp thời và đúng thời gian quy định. Ngoài báo cáo định kỳ 6 tháng và báo cáo năm thì UBND quận ban hành một số báo cáo quan trọng sau:

+ Báo cáo đột xuất số 138/BC-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 về tổng kết công tác chứng thực trên địa bàn quận Gò Vấp từ năm 2007 - 2014.

+ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBND quận Gò Vấp về rà soát đội ngũ làm công tác chứng thực tại quận Gò Vấp.

+ Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2016 về kết quả thực hiện công tác chứng thực theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ.

+ Báo cáo số 751/BC-PTP ngày 23 tháng 7 năm 2016 phục vụ Đoàn khảo sát chuyên giao thẩm quyền công tác chứng thực.

Chế độ báo cáo được thực hiện theo đúng quy định, là cơ sở trình bày các kiến nghị, đề xuất các giải pháp thiết thực đến các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo thuận lợi trong giải quyết công việc và góp phần vào tiến trình hoàn thiện các quy định pháp luật về chứng thực.

2.2.2. Về tổ chức thực hiện văn bản quản lý nhà nước về chứng thực

Pháp luật không thể tự thân đi vào đời sống mà phải thông qua việc tổ chức thực hiện trên thực tế. Do vậy lãnh đạo UBND quận luôn đặc biệt chú trọng và chỉ đạo sâu sát việc tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước về chứng thực vào thực tiễn, cụ thể:

- Trong quá trình thực hiện, UBND quận đã kịp thời chuyển tải các thông tin, các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ của Sở Tư pháp về chứng thực đến các phường như Công văn số 1318/STP-BTTP ngày 24/3/2015, Công văn số 1838/STP-BTTP ngày 16/4/2015; Công văn số 6923/STP-BTTP ngày 23/12/2015; Công văn số 6997/STP-BTTP ngày 25/8/2016 để kịp thời triển khai, tổ chức thực hiện.

- Về công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực

Việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực là một trong những cơ sở quan trọng để đánh giá kết quả thực hiện QLNN về chứng thực. Do vậy, quận Gò Vấp luôn chú trọng thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ chứng thực khi có văn bản pháp luật mới ban hành liên quan đến chứng thực và giải đáp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác chứng thực.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 – 2017, các văn bản pháp luật đã được UBND quận hướng dẫn triển khai như: Luật công chứng năm 2014, Nghị định 23/21015/NĐ-CP, Công văn số 3086/HTQTCT-CT ngày 13 tháng

6 năm 2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các loại giấy tờ văn bản; Công văn số 809/STP-BTTP ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Sở Tư pháp thành phố về việc chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản song ngữ; Công văn số 4233/BTP-BTTP; Thông tư số 20/2015/TT-BTP...

Đối tượng được tập huấn gồm đội ngũ công chức làm công tác chứng thực tại các đơn vị cơ sở: công chức Văn phòng – Thống kê, công chức Tư pháp – Hộ tịch 16 phường, công chức của Phòng Tư pháp quận và các cán bộ, công chức có thẩm quyền trong ký hồ sơ chứng thực như: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND 16 phường, Trưởng phòng, các Phó Trưởng phòng Tư pháp quận.

Số lượng cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực giai đoạn 2014 – 2017 được thể hiện cụ thể qua Bảng 2.2 như sau:

Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách đã được Phòng Tư pháp quận tập huấn nghiệp vụ chứng thực giai đoạn 2014 – 2017

Năm	2014	2015	2016	2017
Số lượng cán bộ, công chức được tập huấn công tác chứng thực/ Tổng số cán bộ công chức làm công tác chuyên trách	28/32	30/34	28/32	30/32

Nguồn: Báo cáo UBND quận Gò Vấp từ năm 2014 đến năm 2017

Qua Bảng 2.2, số lượng cán bộ, công chức chuyên trách cơ sở được Phòng Tư pháp tập huấn hàng năm luôn chiếm tỉ lệ khá cao, đạt tỉ lệ trên 85% qua các năm. Con số này thể hiện tinh thần nâng cao năng lực, trình độ, nghiệp vụ chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách trên địa bàn quận để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân quận cũng chỉ đạo Phòng Tư pháp thường xuyên hướng dẫn công tác chứng thực cho các Phường thông qua các cuộc họp giao ban công tác Tư pháp – hộ tịch hàng quý. Đồng thời, khi có văn bản, thông báo hướng dẫn của cấp trên liên quan đến công tác chứng thực đều được Phòng Tư pháp sao gửi cho bộ phận chứng thực và UBND 16 phường để thực hiện và đối với các trường hợp vướng mắc của UBND 16 phường đều được lãnh đạo Phòng Tư pháp hướng dẫn giải quyết kịp thời.

- Về công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về chứng thực

Với vai trò là cơ quan thường trực phối hợp của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Thành phố, Phòng Tư pháp quận luôn chú trọng triển khai đến UBND các phường, dưới các hình thức đa dạng như: tuyên truyền trên hệ thống bảng tin, phát thanh quận, tờ rơi, ... nhất là khi có quy định mới ban hành. Trong thời gian từ năm 2014 – 2017, UBND quận đã tổ chức các cuộc tuyên truyền có lồng ghép nội dung chứng thực như tuyên truyền luật Công chứng năm 2014, tuyên truyền Bộ Luật Dân sự năm 2015, tuyên truyền bộ Luật hình sự năm 2015, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ..., với số lượng được thể hiện cụ thể qua Bảng 2.3 như sau:

Bảng 2.3. Bảng thống kê số cuộc tuyên truyền pháp luật của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật quận Gò Vấp có lồng ghép nội dung chứng thực giai đoạn 2014 – 2017

Năm	2014	2015	2016	2017
Số cuộc tuyên truyền pháp luật có lồng ghép nội dung về chứng thực/ tổng số cuộc tuyên truyền pháp luật	3/25	4/28	5/17	5/16

Nguồn: Báo cáo UBND quận Gò Vấp từ năm 2014 đến năm 2017

Qua Bảng 2.3 cho thấy, công tác tuyên truyền pháp luật có lồng ghép nội dung chứng thực được UBND quận có chiều hướng tăng. Tuy nhiên, số lượng các cuộc tuyên truyền pháp luật có lồng ghép nội dung chứng thực còn chiếm tỷ lệ khá thấp trên tổng số cuộc tuyên truyền thực tế: năm 2014 chỉ chiếm tỉ lệ 12% trong tổng số cuộc tuyên truyền; năm 2015 là 14,38%; năm 2016 là 29,41% và năm 2017 là 31,25%. Điều này thể hiện công tác tuyên truyền pháp luật về chứng thực chưa được quan tâm đúng mức khi mà số lượng hồ sơ chứng thực chiếm một tỉ lệ khá lớn trên tổng số lượng thủ tục hành chính được giải quyết tại UBND quận.

2.2.3. Về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm pháp luật (viết tắt là VPPL) liên quan đến chứng thực

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền hành chính phục vụ, UBND quận đều phát phiếu lấy ý kiến nhận xét của người dân thực hiện chứng thực theo định kỳ hàng quý và Nhân dân tương đối hài lòng về việc chứng thực tại quận Gò Vấp. Trong khoảng thời gian từ năm 2014-2017, không ghi nhận trường hợp đơn thư, khiếu nại liên quan đến giải quyết yêu cầu chứng thực.

Về công tác xử lý VPPL trong chứng thực đảm bảo tiên hành đúng nội dung, thủ tục và thẩm quyền xử lý theo quy định tại Luật Xử lý VPHC năm 2012, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP; Nghị định số 67/2015/NĐ-CP, theo đó, hành vi sử dụng giấy tờ giả để làm thủ tục yêu cầu chứng thực; sử dụng giấy tờ giả là bản sao có chứng thực; giả mạo chữ ký của người thực hiện chứng thực sẽ bị Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, đồng thời bị áp dụng biện pháp tịch thu và hủy bỏ văn bản, giấy tờ giả mạo, đối với hành vi làm giả giấy tờ để làm thủ tục yêu cầu chứng thực; làm giả bản sao có chứng thực vi sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng [13],[16].

Riêng đối với các vụ việc xử lý VPPL về chứng thực có dấu hiệu tội phạm hình sự sẽ được chuyển cơ quan công an điều tra thụ lý theo quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 về việc xử lý hình sự đối với hành vi làm giả con dấu, giấy tờ, tài liệu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Trong thời gian gần đây, tình trạng giả mạo các bằng cấp, giấy tờ có diễn biến hết sức phức tạp, tinh vi. Nhưng với nghiệp vụ vững vàng, đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo và công chức trực tiếp làm chứng thực đã kịp thời phát hiện các trường hợp vi phạm.

Trong khoảng thời gian từ năm 2014 – 2017, Phòng Tư pháp quận đã lập biên bản xử lý hơn 232 trường hợp vi phạm, tịch thu 231 bằng cấp, giấy tờ, chứng chỉ giả mạo các loại, đã chuyển cơ quan công an điều tra, khởi tố 14 trường hợp có dấu hiệu tội phạm hình sự. Tình hình xử lý VPHC trong chứng thực được thể hiện qua Bảng 2.4 như sau:

Bảng 2.4. Bảng thống kê số liệu các vụ việc bị phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về chứng thực tại UBND quận Gò Vấp giai đoạn 2014 – 2017

Năm	2014	2015	2016	2017
Số vụ việc xử lý hành chính	42	56	64	70
Số vụ việc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự	03	04	03	04

Nguồn: Báo cáo UBND quận Gò Vấp từ năm 2014 đến năm 2017

Thông qua Bảng 2.4, có thể nhận thấy hành vi VPPL được phát hiện trong QLNN về chứng thực có sự diễn biến hết sức phức tạp, các vụ việc năm sau luôn cao hơn năm trước, đã tăng 16,67% trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017, trung bình mỗi năm tăng khoảng 4,2%.

Số vụ vi phạm được Phòng Tư pháp quận Gò Vấp phát hiện chuyển cơ quan điều tra hiện chiếm tỉ trọng không đáng kể so với các vụ việc được phát hiện nhưng có xu hướng ngày càng tăng qua các năm.

Tuy nhiên với năng lực và chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đội ngũ cán bộ công chức chuyên trách đã kịp thời phát hiện và ngăn chặn hành vi sai phạm trên, góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội tại địa phương.

2.3. Những ưu điểm và hạn chế trong quản lý nhà nước về chứng thực tại quận Gò Vấp

2.3.1. Những ưu điểm và nguyên nhân

2.3.1.1. Những ưu điểm

Nhìn chung, công tác chứng thực tại quận Gò Vấp đã được sự quan tâm của Thường trực Ủy ban nhân dân quận về mọi mặt, thường xuyên chỉ đạo sâu sát Phòng Tư pháp và UBND 16 phường thực hiện đúng quy định, đúng trình tự thủ tục, đúng pháp luật, không để hồ sơ tồn đọng, không để người dân đi lại nhiều lần gây phiền hà cho người dân.

Việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực chữ ký người dịch theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP trên địa bàn quận đã đi vào nề nếp và có nhiều chuyển biến tích cực. Tại UBND quận và UBND 16 phường đều bố trí việc tiếp nhận và trả kết quả tại bộ phận “Một cửa”, 100% số hồ sơ chứng thực tiếp nhận và trả kết quả ngay trong ngày. Những trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện chứng thực đều được từ chối và giải thích đầy đủ, đúng quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục chứng thực đã được đơn giản hóa và công khai, giảm thời gian và chi phí đi lại của cá nhân, tổ chức, đề cao trách nhiệm của công chức Tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ.

Thái độ của công chức vui vẻ, hòa nhã, tận tình hướng dẫn cho người dân khi có yêu cầu liên hệ chứng thực; thực hiện thời gian làm việc đúng quy định; kết quả đánh giá của người dân cho thấy thái độ của cán bộ, công chức trong thực hiện chứng thực đạt mức tốt.

Số lượng các việc thực hiện chứng thực (chứng thực chữ ký, chứng thực bản sao từ bản chính) được thực hiện tốt, đảm bảo về trình tự, thủ tục và thời gian thực hiện, số việc chứng thực năm sau luôn đảm bảo tăng cao so với năm trước, đồng thời là cơ sở tạo nguồn thu đóng góp ngân sách nhà nước.

Việc lưu trữ chứng thực bản sao từ bản chính các loại giấy tờ, văn bản được đảm bảo đúng quy định, giảm tải diện tích lưu trữ kho, tiết kiệm chi phí cho Nhân dân khi liên hệ chứng thực và các cơ quan HCNN, đáp ứng yêu cầu cải cách HCNN.

Công tác kiểm tra QLNN về chứng thực được thực hiện theo định kỳ hàng năm, nâng cao hiệu quả QLNN về chứng thực, đồng thời hạn chế các sai phạm có thể xảy ra và tạo lòng tin với Nhân dân trong công tác QLNN về chứng thực.

Chế độ báo cáo được thực hiện đúng quy định, các kiến nghị, đề xuất các giải pháp thiết thực đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vướng mắc phát sinh và hoàn thiện các quy định pháp luật về chứng thực.

2.3.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Do có sự quan tâm sâu sát trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện thuận lợi của Quận ủy, thường trực Ủy ban nhân dân quận; sự hỗ trợ hướng dẫn kịp thời về mặt nghiệp vụ của Sở Tư pháp, sự phối hợp tốt của các cơ quan, đơn vị và 16 phường cùng với quyết tâm phấn đấu vượt khó khăn, nỗ lực, nhiệt tình và cố gắng của tập thể cán bộ công chức quận Gò Vấp đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước về chứng thực.

Trong quá trình quản lý, chỉ đạo và điều hành lãnh đạo UBND quận đã chú trọng việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra để kịp thời uốn nắn sai sót và rút kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo, điều hành.

Chủ động xây dựng kế hoạch công tác năm, theo dõi sơ kết đánh giá để kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Thực hiện tốt phương châm hướng về cơ sở, thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ và theo dõi kiểm tra công tác tư pháp - hộ tịch các phường, giúp cho các phường thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ còn những hạn chế nguyên nhân do khối lượng công việc ngày càng nhiều trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội nên ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác chứng thực.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Những hạn chế

- QLNN về chứng thực trên địa bàn quận trên thực tế vẫn còn mang tính hình thức. QLNN về chứng thực của quận Gò Vấp vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi, thể hiện qua các mặt yếu kém về:

+ Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực còn mang tính hình thức, phong trào...chưa chú trọng tuyên truyền với các đối tượng có nhu cầu như *sinh viên, đồng bào việt kiều*... các đối tượng này chưa nắm rõ các quy định liên quan đến thẩm quyền chứng thực; hay các loại giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài cấp cần phải hợp pháp hóa lãnh sự, dẫn đến việc đi lại nhiều lần đến Đại sứ quán hoặc lãnh sự quán các nước; hoặc chứng thực chữ ký người dịch mà bản dịch không phải do đội ngũ cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp quận hoặc không có bằng đại học chuyên ngành về ngoại ngữ cần dịch, gây tốn kém chi phí, thời gian, đi lại nhiều lần của các cá nhân, tổ chức...Mặc khác, một số cán bộ, công chức phụ trách công tác chứng thực ở UBND các phường không tham dự tập huấn nên không nắm rõ quy định pháp luật mới và hướng dẫn sai cho Nhân dân đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Phòng Tư pháp quận hoặc thuộc trường hợp phải hợp pháp hóa lãnh sự tại Đại sứ quán, gây phiền hà cho Nhân dân.

+ Công tác kiểm tra QLNN về chứng thực tại UBND các phường chưa được xây dựng thành Kế hoạch kiểm tra riêng biệt mà lồng ghép với cuộc kiểm tra công tác tư pháp theo định kỳ một năm một lần dẫn kết các Báo cáo kết quả kiểm tra chưa phản ánh một cách trung thực, khách quan về tình hình QLNN về chứng thực trên thực tế.

+ QLNN về chứng thực chưa nhận được sự quan tâm đúng mức so với các mảng công tác QLNN khác tại địa phương. Việc xây dựng Kế hoạch trọng tâm công tác Tư pháp năm chưa nhấn mạnh đến cải cách QLNN về chứng thực và nội dung Kế thường thường lặp lại so với năm trước.

+ Công tác báo cáo về chứng thực của một số phường được thực hiện chưa đúng thời gian quy định, mang tính hình thức, đa số đề xuất, kiến nghị được sao chép lặp lại của các phường với nhau và không có tính đóng góp xây dựng dẫn đến làm giảm chất lượng các báo cáo, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công tác tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên. Bên cạnh đó, việc các quy định về biểu mẫu báo cáo thay đổi liên tục gây những khó khăn nhất định trong công tác tổng hợp, báo cáo. Trong vòng 3 năm trở lại đây, nội dung báo cáo công tác chứng thực được thực hiện thay đổi theo 03 biểu mẫu thống kê liên tục: Thông tư 08/2011/TT-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung về công tác thống kê của Ngành Tư pháp; Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp (viết tắt là Thông tư số 20/2013/TT-BTP) ; Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, thay thế Thông tư số 20/2013/TT-BTP.

+ Quy định không thực hiện lưu trữ bản sao các giấy tờ, văn bản đã được chứng thực gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền chứng thực khi xảy ra sai phạm cần kiểm tra tính hợp lệ của các loại giấy tờ, văn bản đã được chứng thực.

+ Về cơ chế xử lý VPHC liên quan đến chứng thực hiện nay chưa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, chủ yếu là thực hiện các biện pháp nhắc nhở, lập biên bản và hủy bỏ các giấy tờ, văn bản giả mạo. Ngoài ra, việc áp dụng trình tự, thủ tục xử phạt VPHC liên quan đến chứng thực không thể thực hiện theo đúng quy định vì các đối tượng bỏ trốn sau khi lập Biên bản do vậy số việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong việc làm giả các loại giấy tờ không phản ánh đúng tình trạng làm giả mạo các giấy tờ, văn bản đang diễn biến phức tạp và phổ biến như hiện nay.

+ Kết quả thực hiện Chỉ thị số 17/2014/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Chỉ thị số 17/2014/CT-TTg) về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn quận Gò Vấp vẫn chưa phát huy hiệu quả đáng kể, tình trạng lạm dụng chứng thực bản sao vẫn còn phổ biến.

- QLNN về chứng thực vẫn còn bị động trong thực hiện các loại việc chứng thực thuộc thẩm quyền sau:

+ Chứng thực bản sao từ bản chính các loại giấy tờ, văn bản thông dụng (thẻ cư trú, hộ chiếu, văn bằng, chứng chỉ đào tạo...) bằng ngôn ngữ của các nước mà không cần hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định tại Thông tư 20/2015/TT-BTP được thực hiện một cách dè dặt, thận trọng do sự hạn chế về trình độ ngoại ngữ và khả năng nhận biết các loại giấy tờ giả do cơ quan, tổ chức thẩm quyền nước ngoài cấp của đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện chứng thực.

+ Việc chứng thực chữ ký người dịch chỉ được thực hiện đối với các ngôn ngữ phổ biến, đối với các ngôn ngữ không phổ biến như ngôn ngữ của các nước Châu Phi, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ý, Hà Lan, Ả rập, I ran, Séc, Thụy Điển,...thì các cá nhân, tổ chức có nhu cầu phải liên hệ với các quận huyện khác vì số lượng của đội ngũ cộng tác viên dịch thuật của quận còn hạn chế và việc tuyển dụng cộng tác viên dịch thuật ở các ngôn ngữ không phổ biến còn gặp nhiều khó khăn.

+ Thực trạng “lấn cấn” trong chứng thực HĐ, GD thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND, Phòng Tư pháp quận gặp nhiều khó khăn trong hướng dẫn cho người dân có nhu cầu chứng thực HĐ, GD. Vì theo Quyết

định số 31/2011/QĐ-UBND của UBND Thành phố, UBND cấp huyện *chuyển giao toàn bộ thẩm quyền chứng thực HĐ, GD* cho các TCHNCC theo đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại các Điểm d và đ, Khoản 2, Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP *quy định thẩm quyền của UBND cấp huyện trong chứng thực các HĐ, GD cho UBND cấp huyện và cấp xã*. Tuy nhiên Công văn số 4233/HTQTCT-CT của Bộ Tư pháp lại hướng dẫn việc *tiếp tục chuyển giao thẩm quyền chứng thực cho các TCHNCC đối với các địa phương đã thực hiện chuyển giao*.

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Sự hạn chế về trang thiết bị và ứng dụng trang thiết bị phục vụ công tác

Cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện QLNN về chứng thực. Tuy nhiên hệ thống các trang thiết bị vật chất được trang bị phục vụ cho chứng thực của quận chưa thể đáp ứng yêu cầu QLNN về chứng thực. Việc thực hiện đối chứng, đảm bảo tính chất xác thực các văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ có nội dung liên quan đến các quan hệ nhân thân cơ bản (các văn bằng, chứng chỉ, Giấy đăng ký khai sinh, Giấy đăng ký kết hôn của công dân...) chỉ dựa vào kinh nghiệm là chủ yếu mà không được hỗ trợ bất kỳ một loại thiết bị nào và việc trả lời Công văn xác minh của các cơ quan, tổ chức có chức năng, thẩm quyền trong việc lập, cấp phát các loại giấy tờ, bằng cấp thường không nhận được phản hồi kịp thời để đảm bảo về thời gian thực hiện chứng thực. Các cơ quan HCNN địa phương cần đề xuất cấp các trang thiết bị hiện đại đảm bảo công tác đối chiếu bản sao với bản chính được tiến hành thuận lợi và đúng quy định của pháp luật.

Hiện nay, các cơ quan HCNN tại Thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai ứng dụng mạng nội bộ (phần mềm hồ sơ công việc và thư điện tử), tuy nhiên một số phường còn gửi các báo cáo, công văn xin ý kiến dưới hình thức bản

giấy, gây khó khăn cho công tác tổng hợp các báo cáo và theo đúng tiến độ thời gian quy định.

- Quy định pháp luật về chứng thực vẫn đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện.

Quy định của pháp luật về chứng thực ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả QLNN về chứng thực trên địa bàn quận, thể hiện qua một số bất cập sau đây:

+ Về quy định trong việc thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính:

Thứ nhất, theo quy định mới tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, các văn bản do cơ quan nước ngoài cấp cần phải được hợp pháp hóa lãnh sự, hiện nay quy định này đã cởi mở hơn, cụ thể, không cần thiết phải hợp pháp hóa lãnh sự đối với: “*Giấy tờ tùy thân do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho cá nhân như: hộ chiếu, thẻ căn cước hoặc các giấy tờ khác như thẻ thường trú, thẻ cư trú, giấy phép lái xe, bằng tốt nghiệp, chứng chỉ và bằng điểm kèm theo bằng tốt nghiệp, chứng chỉ thì không phải hợp pháp hóa lãnh sự khi chứng thực bản sao từ bản chính. Trường hợp yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch trên bản dịch các giấy tờ này thì cũng không phải hợp pháp hóa lãnh sự*” [3], điều này giảm tải các thủ tục hành chính cho Nhân dân, tuy nhiên lại gây khó khăn cho công chức do không thể xác định bản chính các loại giấy tờ, văn bản này có bị làm giả hay không (kể cả các loại giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự), đặc biệt là các giấy tờ, văn bản do cơ quan nước ngoài cấp là ngôn ngữ không phổ biến.

Hai là sự cứng nhắc trong thực hiện quy định về các trường hợp được phép chứng thực. Theo quy định tại Điều 18, Nghị định 23/2015/NĐ-CP, hiện nay, các Giấy tờ, văn bản làm cơ sở để chứng thực bản sao từ bản chính bao gồm:

Bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

Bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

Như vậy, đối với các loại giấy tờ, văn bản chứng thực có nội dung được phép chứng thực thì phải được *xác nhận đặc trưng bởi con dấu của cơ quan có thẩm quyền* là một quy định mang tính cứng nhắc, vì hiện nay một số chứng chỉ, văn bằng, văn bản do cơ quan nước ngoài cấp thuộc trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự được *biểu trưng bởi chữ ký, logo nổi, chữ ký số hóa* thay cho con dấu của các cơ quan này. Trong trường hợp này, người dân có nhu cầu chứng thực bắt buộc phải dịch thuật và sau đó chứng thực chữ ký người dịch, gây tốn kém cho người dân vì phí dịch thuật khá cao (tối thiểu 150.000 đồng/mặt giấy A4), trong khi việc chứng thực bản sao từ bản chính, lệ phí là 2000 đồng/mặt giấy.

+ Về quy định chứng thực chữ ký:

Pháp luật về chứng thực hiện nay không quy định cụ thể các loại giấy tờ bắt buộc phải chứng thực chữ ký và các giấy tờ không bắt buộc phải chứng thực chữ ký. Trên thực tế, có các loại giấy tờ cần được chứng thực chữ ký gồm: giấy tờ liên quan đến việc tặng, cho, chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản có giá trị; giấy tờ liên quan đến việc thừa kế tài sản (như Tờ khai thừa kế, Giấy từ chối nhận di sản thừa kế...), sơ yếu lý lịch, bản dịch phải hợp pháp hóa lãnh sự... dẫn đến tình trạng quá tải về việc thực hiện yêu cầu chứng thực chữ ký cho các cơ quan có thẩm quyền.

+ Về quy định trong việc thực hiện chứng thực chữ ký người dịch:

Đối với các ngôn ngữ không phổ biến, việc tuyển dụng đội ngũ cộng tác viên là vô cùng khó khăn vì pháp luật chưa có quy định cụ thể về định mức thù lao dịch thuật và phụ cấp cho đội ngũ cộng tác viên dịch thuật, gây khó

khẩn trong việc tuyển dụng đội ngũ cộng tác viên dịch thuật các ngôn ngữ không phổ biến.

+ Về công tác xử lý vi phạm chưa được thực hiện một cách triệt để theo quy định của pháp luật dẫn đến các vi phạm tiếp tục diễn biến phức tạp:

Quy định các biện pháp nhằm đảm bảo thực thi các Quyết định xử phạt VPHC chưa chặt chẽ, khiến cho công tác xử lý trong việc phát hiện các loại văn bản, giấy tờ giả mạo không khả thi, chỉ dừng lại ở mức độ tạm giữ tang vật vi phạm để tiến hành xác minh, thực tế không thể áp dụng hình thức xử lý phạt tiền một cách triệt để, vì pháp luật về xử lý VPHC chỉ quy định được phép áp dụng biện pháp tạm giữ người trong các trường hợp rất hạn chế (trường hợp được phép tạm giữ người theo thủ tục hành chính quy định tại Điều 11, Nghị định 112/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trực xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài VPPL Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trực xuất và Điều 1 Nghị định số 17/2016/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 112/2013/NĐ-CP), không quy định việc cho phép tạm giữ các giấy tờ liên quan đến nhân thân [23] như quy định tại Bộ Luật Hình sự, cũng như không quy định biện pháp cưỡng chế cụ thể trong thi hành Quyết định xử phạt hành chính dẫn đến trường hợp đối tượng bỏ trốn hoặc không đóng tiền phạt sau khi lập biên bản.

Cơ chế phối hợp xử lý VPPL về chứng thực chưa hoàn thiện. Khi có sự nghi ngờ văn bằng, chứng chỉ giả, công chức chứng thực thực hiện xác minh bằng cách liên hệ với cơ quan cấp các văn bằng, chứng chỉ giả qua hình thức gửi Công văn xác minh, nhưng thường không nhận được hồi đáp của các cơ quan trên. Việc phát hiện các văn bằng, chứng chỉ giả chủ yếu là dựa vào kinh

nghiệm và thông qua con đường khai thác đối tượng, buộc đối tượng thừa nhận hành vi, sau đó tiến hành lập biên bản về hành vi vi phạm và hủy bỏ giấy tờ bị làm giả.

Công tác xử lý các vi phạm liên quan đến QLNN về chứng thực thường mất nhiều thời gian, công sức do phải tiến hành xác minh, truy vấn đối tượng, lập bản tường trình và hoàn thiện hồ sơ chuyên cơ quan công an điều tra trong trường hợp vụ việc có dấu hiệu hình sự... làm tốn nhiều thời gian vì số lượng các văn bằng chứng chỉ giả hiện nay là khá phổ biến, đội ngũ cán bộ, công chức phải chịu các áp lực hoàn thành nhiệm vụ, trong khi cơ chế xử lý chưa được quy định cụ thể, dẫn đến việc xử lý vi phạm liên quan đến chứng thực còn mang nặng về hình thức, chưa đảm bảo tính răn đe.

+ Hệ thống các quy định của pháp luật về chứng thực vẫn chưa đồng bộ và thống nhất

Thứ nhất, văn bản điều chỉnh trực tiếp công tác QLNN về chứng thực (Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; Thông tư 20/2015/TT-BTP; Chỉ thị số 17/2014/CT-TTg) mới chỉ dừng lại ở cấp độ Nghị định, Thông tư, Chỉ thị cá biệt. Tuy nhiên một số văn bản điều chỉnh lĩnh vực khác có liên quan đến công tác chứng thực hầu hết đã được ban hành ở cấp độ luật như: Bộ luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Công chứng, Luật Đất đai... Do vậy, mức độ tuân thủ pháp luật về chứng thực của các cơ quan, tổ chức và xã hội chưa đúng mức, còn bị chi phối bởi các văn bản QPPL có pháp lý cao hơn.

Thứ hai, thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc hạn chế sử dụng các văn bản, giấy tờ có thị thực chỉ tiến hành thuận lợi đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các thủ tục hành chính và rất khó áp dụng trong khu vực tư nhân.

- Tình trạng kiêm nhiệm công việc ở các cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực tại UBND cấp huyện

Ngoài việc thực hiện QLNN về chứng thực, Phòng Tư pháp quận phải thực hiện các nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND cấp huyện thực hiện chức năng QLNN về: Công tác xây dựng và thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản QPPL; kiểm soát thủ tục hành chính; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý; hộ tịch; chứng thực; bồi thường nhà nước; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật [5],[13]. Tuy nhiên năm 2017, Phòng Tư pháp quận Gò Vấp được giao chỉ tiêu 11 biên chế dẫn đến tình trạng kiêm nhiệm các công việc, chất lượng và hiệu các đầu công việc thực hiện mang lại hiệu quả thường không cao. Ngoài ra, tình trạng kiêm nhiệm dẫn đến việc thực hiện triển khai Kế hoạch kiểm tra công tác tư pháp nói chung và QLNN về chứng thực đối với UBND 16 phường hàng năm còn mang tính hình thức, chưa bám sát vào thực tiễn công tác tại địa phương các sai sót trong công tác chứng thực chưa được phát hiện kịp thời để đưa ra các kiến nghị, đề xuất xử lý.

Riêng vấn đề về chuyển giao thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến hộ tịch có yếu tố nước ngoài theo quy định của Luật Hộ tịch năm 2014 từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đã khiến cho mảng công việc liên quan đến chứng thực chữ ký người dịch tăng lên, do thành phần hồ sơ trong lĩnh vực hộ tịch có yếu tố nước ngoài có quy định đến các loại giấy tờ cần thiết phải dịch thuật như: Bản tuyên thệ độc thân, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Giấy thông hành, Thẻ cư trú, Giấy xác nhận về việc đã ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, Giấy chứng minh tình trạng hôn nhân do cơ quan có thẩm quyền mà nước ngoài cấp, Giấy xác nhận đủ điều kiện kết hôn...

Công tác tuyên truyền, phổ biến quy định pháp luật và hướng dẫn nghiệp vụ chứng thực đến các đối tượng chưa tương xứng với nhu cầu và tình hình địa phương, dẫn đến xảy ra thực trạng cán bộ, công chức chưa nắm rõ quy định pháp luật, hướng dẫn sai, khiến Nhân dân phải liên hệ nhiều cơ quan để giải quyết chứng thực.

- Chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách chưa được quan tâm đúng mức

Với tiến trình cải cách công chức công vụ trong giai đoạn hiện nay, dù Đảng và Nhà nước đã có những quy định cụ thể về các chế độ, chính sách nhằm cải cách tiền lương của đội ngũ cán bộ, công chức như nâng mức lương cơ sở, trợ cấp cho người có mức lương dưới 2.34, trợ cấp cho cán bộ, công chức công tác ở những lĩnh vực ngành nghề độc hại, nguy hiểm.... nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng giá cả chung làm cho đời sống của công chức gặp nhiều khó khăn, dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng công vụ.

Về vấn đề kinh phí trích lại liên quan đến chứng thực, theo quy định trước đây, việc chứng thực do UBND các cấp, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chứng thực hiện sẽ được trích lại kinh phí 20% trên tổng số lệ phí chứng thực [6]. Theo quy định hiện nay, cơ quan thực hiện chứng thực nộp 100% tổng số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo các khoản chi phí liên quan đến việc chứng thực được ngân sách nhà nước cấp theo dự toán được duyệt hàng năm [6]. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến động lực làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách.

- Quy trình giải quyết thủ tục hành chính về chứng thực còn nhiều hạn chế

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế

một cửa liên thông tại cơ quan HCNN ở địa phương và thực hiện Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch UBND Thành phố ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan HCNN trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 2015, UBND quận Gò Vấp đã quyết định việc thành lập Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại cơ quan HCNN ở UBND quận và UBND 16 phường, tăng cường trách nhiệm cán bộ, công chức trong giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ nhân dân; góp phần đẩy mạnh tiến trình cải cách thủ tục hành chính

Tuy nhiên, so với yêu cầu cải cách hành chính trong thời gian sắp tới thì hoạt động của Bộ phận một cửa tại UBND quận Gò Vấp vẫn hạn chế, trong đó việc đưa thủ tục hành chính chứng thực vào Bộ phận một cửa tại UBND các quận, huyện hiện nay là chưa hợp lý, vì những lý do sau:

+ Tăng biên chế cho Bộ phận một cửa nhưng do thủ tục giải quyết chứng thực không quá phức tạp nên công chức tiếp nhận chứng thực không thể hiện được vai trò thực tế.

+ Tăng thời gian giải quyết thủ tục vì phải quan khâu trung gian thụ lý giải quyết của công chức làm chứng thực tại Bộ phận một cửa, sau đó mới chuyển hồ sơ lên Phòng Tư pháp để giải quyết theo thẩm quyền.

+ Công chức tiếp nhận yêu cầu chứng thực tại Bộ phận một cửa với Phòng Tư pháp quận đôi khi còn thiếu chặt chẽ trong giải quyết công việc, công chức Bộ phận một cửa hướng dẫn thủ tục sai gây khó khăn cho Nhân dân, hoặc từ chối tiếp nhận thụ lý hồ sơ không có cơ sở do chưa nắm rõ các quy định pháp luật về chứng thực.

Việc quy định chứng thực vào danh mục các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Bộ phận một cửa trực thuộc Văn phòng HĐND -

UBND quận đã làm kéo dài thời gian giải quyết thủ tục hành chính, gây bức xúc cho Nhân dân.

Tiểu kết chương 2

Quản lý nhà nước về chứng thực tại Thành phố Hồ Chí Minh nói chung và quận Gò Vấp nói riêng đã đảm bảo an toàn pháp lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại, các thủ tục hành chính và góp phần ổn định trật tự xã hội, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

QLNN về chứng thực là một trong những lĩnh vực quản lý có tính chất phức tạp trong các lĩnh vực QLNN thuộc thẩm quyền của UBND quận. Với diện tích quản lý rộng lớn và dân cư đông như quận Gò Vấp, công tác QLNN về chứng thực càng trở nên khó khăn (được dẫn chứng thông qua các số liệu và những phân tích được trình bày ở nội dung Chương 2).

Thông qua những nhận xét về tình hình QLNN về chứng thực tại địa phương và nêu ra những nguyên nhân của những hạn chế trong thực hiện công tác liên quan đến quy định của pháp luật; trang thiết bị hỗ trợ, chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức phụ trách chứng thực... luận văn hy vọng giúp cho độc giả có một cái nhìn trung thực và khách quan về công tác QLNN về chứng thực được thực hiện tại UBND quận Gò Vấp trong thời gian qua. Qua đó tác giả tập trung vào nhiệm vụ xây dựng một số giải pháp khắc phục những hạn chế đã và đang tồn tại, tăng cường hiệu quả công tác chứng thực trong phần Chương 3.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CHỨNG THỰC TỪ THỰC TIỄN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Cơ sở của việc tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực

Tăng cường QLNN về chứng thực là vấn đề cần đặt ra trong giai đoạn hiện nay, nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN trên các lĩnh vực nói chung. Sự cần thiết của việc tăng cường QLNN về chứng thực thể hiện trên các phương diện sau đây:

- Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác QLNN về chứng thực, việc nghiên cứu hệ thống cơ sở lý luận về công tác này sẽ góp phần hoàn thiện lý luận về hành chính tư pháp và lĩnh vực khoa học hành chính nói chung.

- Xuất phát từ những hạn chế, vướng mắc thực tiễn trong quá trình triển khai thực hiện QLNN về chứng thực, cần phải đề ra những giải pháp chấn chỉnh những hạn chế tồn tại trong công tác quản lý QLNN về chứng thực ở quận nhằm đảm bảo hiệu quả QLNN thông suốt từ Thành phố đến chính quyền cơ sở.

- Xuất phát từ yêu cầu tiếp tục thực hiện cải cách nền hành chính giai đoạn 2011-2020.

Đảng và Nhà nước luôn coi nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 2010 -2020. Đáp ứng yêu cầu đặt ra, Nghị quyết số 30c/NQ-CP, ngày 08/11/2011 của Chính phủ: Ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 với năm mục tiêu chính như sau:

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng lực lượng sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển đất nước.

2. Tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thông thoáng, thuận lợi, minh bạch nhằm giảm thiểu chi phí về thời gian và kinh phí của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong việc tuân thủ thủ tục hành chính.

3. Xây dựng hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương tới cơ sở thông suốt, trong sạch, vững mạnh, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong hoạt động điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính nhà nước.

4. Bảo đảm thực hiện trên thực tế quyền dân chủ của nhân dân, bảo vệ quyền con người, gắn quyền con người với quyền và lợi ích của dân tộc, của đất nước.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước.

Việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về chứng thực là bước đi tất yếu, góp phần và việc nâng cao hiệu quả công tác QLNN nói chung, đáp ứng sự hài lòng của người dân trong tiến trình chuyển từ nền hành chính cai trị sang cơ chế “phục vụ”.

Từ những lý do trên, sự quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực cần được thực hiện đúng đắn nhằm đảm bảo quyền lợi cho nhân dân cũng như sự quản lý nhà nước trong hoạt động của nhân dân được tốt hơn

3.2. Các giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về chứng thực

Tăng cường QLNN về chứng thực để góp phần nâng cao hiệu quả QLNN về chứng thực, khắc phục những hạn chế, đáp ứng các yêu cầu cơ bản của Nhân dân trong việc quản lý bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó, cần hướng đến thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đáp ứng sự hài lòng của Nhân dân về cung cách phục vụ.

Ngoài ra, việc tăng cường QLNN về chứng thực phải gắn liền với các nội dung cơ bản cải cách HCNN giai đoạn 2011 – 2020 để tạo sự đồng bộ, thống nhất và xây dựng một nền hành chính thật sự của dân, do dân và vì dân.

Khắc phục những hạn chế đã và đang tồn tại để tăng cường QLNN về chứng thực cần thực hiện một số giải pháp quan trọng cấp bách sau đây:

3.2.1. Các giải pháp chung

- Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng khẳng định: “*Trăm điều phải có thân linh pháp quyền*” [17, tr.438]. Vì vậy pháp luật là công cụ nhằm đảm bảo trật tự, kỷ cương trong quản lý, là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền đề ra các biện pháp quản lý đối tượng trong xã hội có hiệu lực. Việc hoàn thiện các quy định pháp luật là một trong những vấn đề cấp thiết để đảm bảo nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Pháp luật chứng thực là cơ sở để thiết lập các giao dịch trong cuộc sống, giải quyết các thủ tục hành chính với Nhà nước. Do vậy việc xây dựng và ban hành các văn bản QPPL về chứng thực ngày càng quan trọng, góp phần đảm bảo hiệu lực, hiệu quả QLNN về chứng thực.

Bộ Tư pháp với vai trò là cơ quan tham mưu về công tác xây dựng pháp luật cho Chính phủ và cần nhanh chóng *tham mưu Chính phủ ban hành*

các văn bản pháp luật hoàn thiện những vấn đề quan trọng trong công tác chứng thực như sau:

+ Xây dựng các quy định về vấn đề hợp pháp hóa lãnh sự đối với các văn bản mà cá nhân, tổ chức có nhu cầu chứng thực nhưng nội dung không thể hiện con dấu của cơ quan có thẩm quyền.

+ Xây dựng các hướng dẫn cụ thể trong việc chứng thực các văn bản, giấy tờ thể hiện ngôn ngữ nước ngoài trường hợp văn bản đó theo quy định thuộc trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, hạn chế tối đa trường hợp bị làm giả mạo.

+ Quy định cụ thể và thống nhất đối với định mức thu và sử dụng lệ phí thu đối với những trường hợp dịch thuật ngôn ngữ nước ngoài và các tiêu chuẩn cụ thể về Cộng tác viên dịch thuật. Bên cạnh đó, phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng khung biểu phí dịch thuật phù hợp với điều kiện kinh tế của Thành phố, Thị xã, quận, huyện để bảo đảm hiệu lực quản lý.

+ Xây dựng các quy định về tiêu chuẩn của chuyên viên làm công tác chuyên trách khi chứng thực HĐ, GD, đảm bảo trách nhiệm phát lý khi phát sinh các nghĩa vụ liên quan.

Chứng thực là một trong những hoạt động cơ bản của cơ quan HCNN và đảm bảo quyền và lợi ích của công dân trong thực hiện các thủ tục hành chính và các giao dịch khác; do đó chứng thực dễ phát sinh các hành vi VPPL ví dụ như: tình trạng cố tình làm giả, sử dụng các văn bản, giấy tờ giả mạo, làm giả con dấu của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền lợi ích cá nhân. Vì vậy *hoàn thiện quy định pháp luật nhằm phòng ngừa, phát hiện, xử lý các vi phạm:*

+ Đối với việc hoàn thiện quy định pháp luật nhằm phòng ngừa hành vi VPPL trong chứng thực

Các cơ quan có thẩm quyền cấp phát các loại giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ cần nghiên cứu, xây dựng quy chế và các phương pháp, công cụ kiểm tra hiện đại về tính xác thực các loại giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ và đảm bảo tốt công tác lưu trữ hồ sơ mà mình có trách nhiệm quản lý.

Đặc biệt là lĩnh vực giáo dục và đào tạo, cơ quan quản lý giáo dục cần xây dựng kế hoạch cụ thể về phát triển nhân lực các ngành nghề để là cơ sở cho các trường tuyển sinh hàng năm phù hợp với nhu cầu phát triển nhân lực; xóa bỏ quan niệm chạy theo bằng cấp, dùng bằng cấp làm cơ sở tuyển dụng nhân sự nhà nước và tư nhân.

+ Đối với việc hoàn thiện quy định pháp luật nhằm phát hiện và xử lý hành vi VPPL trong chứng thực

Cần quy định cụ thể về trách nhiệm và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức có liên quan khi nhận được yêu cầu xác minh từ cơ quan có thẩm quyền; thông tin trong việc cấp, phát các loại văn bản, giấy tờ, văn bằng phải minh bạch và tuân theo trình tự, thủ tục cấp phát (công khai danh sách các học viên tốt nghiệp, được cấp bằng lên hệ thống website của cơ sở đào tạo để cơ quan có thẩm quyền có thể kiểm tra đối chiếu).

Xây dựng quy chế phối hợp trong thực hiện quy trình xử lý VPHC, buộc đối tượng nộp phạt theo quy định và cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý VPHC để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Bên cạnh đó, cần có quy định chế tài nghiêm khắc hơn, tăng khung xử phạt đối với hành vi VPHC về chứng thực, tăng mức truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi *làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức* được quy định tại Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bởi Khoản 126 Điều 1 Luật sửa đổi Bộ luật Hình sự 2017 vì đây là hành vi gây nguy hiểm cho xã hội, đặc biệt là trong trường hợp dùng các văn bằng, chứng chỉ

giả để ứng tuyển vào các vị trí việc làm trong lĩnh vực y học, xây dựng, sư phạm, kỹ thuật, công nghệ... Mặt khác, cần xử lý nghiêm thay thế cho hình thức kỷ luật cảnh cáo các trường hợp cán bộ, công chức dùng bằng cấp giả để tham gia bồi dưỡng vào vị trí, cấp bậc cao hơn trong cơ quan nhà nước thay cho hình thức kỷ luật cảnh cáo được quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức.

Quan trọng nhất cần khẩn trương nghiên cứu xây dựng Luật Chứng thực nhằm hoàn thiện quy định về thể chế chứng thực; tăng cường QLNN về chứng thực, thống nhất QLNN về chứng thực trên toàn quốc và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và đảm bảo quyền, lợi ích của công dân theo quy định Hiến pháp 2013. Việc xây dựng nội dung quy định trong Luật Chứng thực cần lưu ý như sau: xây dựng quy định về phân cấp thẩm quyền chứng thực cho UBND cấp xã, tăng cường xã hội hóa hoạt động chứng thực, xóa bỏ tình trạng lạm dụng bản sao có chứng thực; thiết lập cơ chế kiểm tra, kiểm soát trình độ người dịch, chất lượng bản dịch; xây dựng các quy định về chứng thực phù hợp với quy định có liên quan tại Bộ Luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Nhà ở và Luật Công chứng và xây dựng quy trình, thủ tục chứng thực đơn giản, minh bạch tạo điều kiện thuận lợi để cá nhân, tổ chức yêu cầu chứng thực.

Thứ hai, tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện tổ chức, bộ máy của các cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực

Việc tổ chức bộ máy cần đảm bảo hoạt động QLNN về chứng thực được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn và đảm bảo tính chủ động của cơ quan có thẩm quyền trong quản lý chứng thực. Vì vậy cần xây dựng các giải pháp sau nhằm giảm tải tình trạng kiêm nhiệm công việc, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý:

- Đối với cấp lãnh đạo quản lý: Bố trí trực tiếp một lãnh đạo phụ trách QLNN về chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực. Công tác chứng thực sẽ do một lãnh đạo cấp phó (do 01 đồng chí Phó Trưởng phòng Tư pháp) phân công thường trực tại đơn vị và ký chứng thực thường xuyên. Điều này sẽ giúp lãnh đạo Phòng Tư pháp đảm bảo tính chủ động, liên tục, thay thế cho việc luân phiên đảm nhiệm thực hiện ký chứng thực giữa các lãnh đạo như trước đây và tránh được các trường hợp bị gián đoạn bởi các công việc kiêm nhiệm (tham dự hội họp, các lớp tập huấn; học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ) làm kéo dài thời gian chứng thực.

- Đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác chuyên trách: phân công công việc hợp lý theo hướng giảm tải tối đa tình trạng kiêm nhiệm công tác đối với công chức chứng thực.

Thứ ba là cải cách đội ngũ cán bộ, công chức

Chương trình tổng thể cải cách HCNN giai đoạn 2010 – 2020 nhấn mạnh vấn đề “*Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực và trình độ, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước*” [16]. Vấn đề xây dựng đội ngũ công chức còn được nêu ra tại Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2012 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chương trình cải cách hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung như trên.

QLNN về chứng thực được hiệu lực, hiệu quả không thể thiếu vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức có liên quan thực hiện công tác chứng thực. Cải cách đội ngũ cán bộ, công chức trong QLNN về chứng thực cần lưu ý các vấn đề quan trọng sau:

- *Nghiên cứu, xây dựng những tiêu chuẩn cơ bản của người cán bộ, công chức thực hiện công tác QLNN về chứng thực*

+ Về đạo đức công vụ, thái độ phục vụ, cán bộ, công chức đảm nhận công tác QLNN về chứng thực cần phải:

Cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ; tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức, những việc cán bộ, công chức không được làm được quy định tại Luật Cán bộ, công chức năm 2010 và các quy định pháp luật có liên quan; nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và ngăn chặn những biểu hiện quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng, tham nhũng, lãng phí của công.

Cán bộ, công chức phải là những người hết lòng phụng sự nhân dân, hòa nhã trong giao tiếp với Nhân dân và là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Về đạo đức của người cán bộ, công chức, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, đối với người cán bộ cách mạng, hai mặt đức và tài, phẩm chất và năng lực, không thể thiếu mặt nào, cũng không thể coi nhẹ mặt nào.

+ Về trình độ, cán bộ, công chức làm công tác QLNN về chứng thực cần có năng lực, trình độ và kinh nghiệm QLNN về chứng thực nhằm nâng cao hiệu lực QLNN về chứng thực, đẩy mạnh cải cách HCNN tại UBND quận Gò Vấp. Thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ để đọc, hiểu nội dung các giấy tờ chứng thực; bồi dưỡng kiến thức pháp luật chuyên môn trên các lĩnh vực kinh tế, dân sự, hành chính... để kịp thời hướng dẫn người dân. Bên cạnh đó cũng cần nâng cao trình độ ứng dụng các công nghệ thông tin để giải quyết giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính về chứng thực, đảm bảo sự hài lòng của Nhân dân và nâng cao hiệu quả QLNN về chứng thực. Đặc biệt đội ngũ cán bộ, công chức lãnh đạo: thường xuyên quán triệt các quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước và thực hiện các biện pháp kiểm tra, chấn chỉnh, khuyến

khích cán bộ, công chức phát huy trách nhiệm của mình trong QLNN về chứng thực.

- Tạo môi trường, điều kiện làm việc tốt nhất và xây dựng chế độ đãi ngộ cán bộ, công chức để thu hút người có tài, có đức. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý cán bộ, công chức, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm đạo đức công vụ. Xây dựng chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với những cống hiến nhằm thu hút những người có tâm huyết, trình độ chuyên môn cao vào làm việc ở các cơ quan chuyên môn.

Thứ tư, tăng cường kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện QLNN về chứng thực tại địa phương

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: “*Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của Nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời*” [17, tr.520-521].

Kiểm tra, giám sát, thanh tra là một trong ba hình thức cơ bản để kiểm soát việc sử dụng quyền lực nhà nước, hạn chế tình trạng chuyên quyền, lạm quyền của cá nhân, tổ chức trong thực thi công vụ. Cần tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra để đảm bảo hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, phát huy trách nhiệm của Nhân dân trong công tác giám sát hoạt động của bộ máy Nhà nước, xây dựng bản chất Nhà nước.

- Để cơ quan dân cử và công dân thực hiện giám sát QLNN về chứng thực, cần việc thực hiện các biện pháp tiền đề sau:

+ Mở rộng mô hình lấy ý kiến của Nhân dân trong việc giải quyết các thủ tục hành chính nhằm cải thiện chất lượng công tác phục vụ Nhân dân. Bên

cạnh đó, Hội đồng Nhân dân quận cần phát huy tốt vai trò giám sát của mình đối với công tác QLNN về chứng thực.

+ Đổi mới các hình thức phổ biến giáo dục pháp luật về chứng thực, thường xuyên tuyên truyền các quy định pháp luật mới ban hành, phát huy quyền công dân trong giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước.

+ Thường xuyên cập nhật, niêm yết các thủ tục, các quy định mới tại Bộ thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ở UBND quận và UBND các phường để Nhân dân giám sát và minh bạch trong quản lý.

+ Công khai số điện thoại đường dây nóng để kịp thời tiếp nhận các phản ánh, các kiến nghị của Nhân dân đối với quy trình giải quyết thủ tục hành chính để kịp thời chấn chỉnh, đảm bảo hiệu lực quản lý nhà nước.

- Có biện pháp chấn chỉnh các cơ quan hành chính nhà nước lạm dụng yêu cầu bản sao các giấy tờ, văn bản có chứng thực.

Tại địa phương, cần tổ chức các cuộc kiểm tra đột xuất ngoài Kế hoạch kiểm tra định kỳ hàng năm để có sự đánh giá một cách khách quan các cơ quan có chức năng QLNN về chứng thực. Để công tác kiểm tra đạt hiệu quả cần:

+ Xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể và tình hình thực hiện công tác quản lý.

+ Xây dựng các Kế hoạch kiểm tra cụ thể, đột xuất, phân công trách nhiệm rõ ràng và thực hiện theo nguyên tắc: công khai, công bằng; dân chủ. Đồng thời, tăng cường số lần kiểm tra hàng năm nhằm kịp thời chấn chỉnh công tác QLNN về chứng thực.

+ Có các kiến nghị xử lý trình Chủ tịch UBND quận khi phát hiện các sai phạm nhằm kịp thời chấn chỉnh các sai phạm, thiết lập kỷ cương quản lý.

Sau đó xây dựng các phương pháp quản lý hiệu quả đáp ứng yêu cầu cải cách sau các đợt kết kiểm tra.

Thứ năm là đổi mới quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa trực thuộc UBND cấp huyện

Cần thực hiện một số giải pháp sau để triển khai thực hiện có hiệu quả cơ chế giải quyết thủ tục hành chính về chứng thực tại bộ phận một cửa:

- Việc tuyển chọn cán bộ, công chức tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại quầy chứng thực trực thuộc Văn phòng HĐND - UBND quận cần đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ, chuyên môn nghiệp vụ về chứng thực và thường xuyên được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác chứng thực để nắm rõ các quy định pháp luật khi tiếp nhận hồ sơ.

- Xây dựng cung cách ứng xử với nhân dân theo tiêu chí nền hành chính vì dân phục vụ.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính về chứng thực nhằm giảm chi phí của công dân trong giải quyết thủ tục hành chính về chứng thực. Trong thời gian tới, cần ứng dụng lấy số dịch vụ qua internet hoặc tổng đài điện thoại nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Qua đó có thể giúp tăng sự hài lòng của Nhân dân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn quận.

- Thường xuyên tổ chức các lớp nghiệp vụ hướng dẫn sử dụng công nghệ thông tin cho các cán bộ, công chức chuyên trách nhằm đảm bảo yêu cầu giải quyết thủ tục một cách nhanh chóng, chính xác cho người dân.

Thứ sáu là xác định vị thế của UBND cấp huyện với vai trò là cơ quan QLNN về chứng thực cấp trung gian

QLNN về chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND quận không nên được quy định là một lĩnh vực quản lý mang tính kiêm nhiệm của Phòng Tư pháp. Việc xác định vị thế của UBND quận với vai trò là cơ quan QLNN về chứng thực cấp trung gian là quan trọng và cần thiết để đảm bảo không trùng lặp về thẩm quyền trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Xin được đề xuất hai biện pháp định hướng cơ bản sau:

Một là, đề xuất điều chỉnh một số chức năng chứng thực các loại việc tại UBND quận, huyện như: chuyển giao thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận cho UBND cấp xã thực hiện, Phòng Tư pháp sẽ chỉ thực hiện chứng thực vụ việc liên quan đến yếu tố nước ngoài, bao gồm: chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; Chứng thực chữ ký người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang Tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài. Do kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Phòng Tư pháp phụ trách thêm công tác khá phức tạp, hoàn toàn mới là công tác hộ tịch có yếu tố nước ngoài và cùng nhiều công tác QLNN khác nhau. Vì vậy nếu Phòng Tư pháp được phụ trách phân công quá nhiều đầu việc sẽ làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng và hiệu quả công tác quản lý của Phòng Tư pháp.

Hai là, thực hiện tốt các chức năng, vai trò cấp trung gian của UBND quận trong QLNN về chứng thực theo quy định tại Điểm a và Điểm b, Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP:

+ Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm chứng thực tại UBND các xã, phường thuộc địa bàn quản lý để kịp thời xử lý trong quá trình triển khai thi hành pháp luật.

+ Cần thường xuyên tổ chức các cuộc tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật mới về chứng thực để đảm bảo các người dân và chủ thể có liên quan nắm bắt các chủ trương, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ bảy là khuyến khích xã hội hóa dịch vụ công chứng tại địa phương

Công tác chứng thực là hoạt động phục vụ nhu cầu của công dân, việc chuyển giao từng bước cho các tổ chức cá nhân có điều kiện thực hiện để Nhà nước giảm tải công việc là hết sức cần thiết.

Khuyến khích xã hội hóa dịch vụ công chứng tại địa phương là một trong những biện pháp nhằm giảm tải áp lực QLNN về chứng thực, nâng cao chất lượng công tác chứng thực do các cơ quan HCNN thực hiện, quá trình chuyển giao chứng thực HĐ, GD cho các TCHNCC ngày càng hoàn thiện và đồng thời góp phần tăng cường hiệu quả QLNN về chứng thực của các cơ quan công quyền.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa hoạt động công chứng, ngày 05 tháng 7 năm 2008, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thông qua Đề án phát triển TCHNCC tại Thành phố Hồ Chí Minh và qua đó thành lập 07 phòng công chứng nhà nước tại Quận 1, Quận 5, Quận 6, Thủ Đức, Tân Bình, Bình Thạnh và Gò Vấp [33].

Ngoài các Phòng Công chứng (công chứng công) do UBND Thành phố quyết định thành lập, còn có các văn phòng công chứng (viết tắt là VPCC) (công chứng tư) là loại hình công chứng do hai công chứng viên trở lên đứng tên thành lập.

Các TCHNCC tại Thành phố đã giúp giảm tải lượng công việc tại các cơ quan HCNN có thẩm quyền chứng thực và góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa công chứng. Các VPCC làm cho hoạt động chứng thực ngày càng chuyên nghiệp, kịp thời, thuận tiện, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ sau nhằm phát huy vai trò của các TCHNCC và những hạn chế phát sinh nguy cơ về việc cạnh tranh không lành mạnh:

- Cần tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật và triển khai thực hiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của VPCC. Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện các quy định pháp luật đã cho thấy một số bất cập về QLNN đối với VPCC như: quy định về biên hiệu của VPCC; vấn đề công chứng ngoài trụ sở dẫn đến sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các VPCC; về thực trạng bổ nhiệm, đào tạo công chứng viên; về công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm của VPCC... Cần hoàn thiện hơn nữa hành lang pháp lý, những quy định pháp luật chặt chẽ hơn để giải quyết các vấn đề bất cập còn tồn tại trong thực tiễn.

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng nhằm mục đích khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, tạo cơ sở pháp lý cho bước phát triển mới của hoạt động công chứng theo chủ trương xã hội hóa, nâng cao chất lượng, từng bước phát triển nghề công chứng Việt Nam phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của VPCC cụ thể là: i) Quy định cụ thể những trường hợp, giấy tờ nào được phép công chứng ngoài trụ sở TCHNCC; ii) Cần quy định thống nhất áp dụng luật nào khi giải quyết khiếu nại tố cáo.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, có kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm . Đồng thời thông báo công khai đến các TCHNCC trên địa bàn thành phố để rút kinh nghiệm và cao hiệu quả QLNN đối với các TCHNCC.

3.2.2. Nhóm giải pháp cho quận Gò Vấp

Từ thực tiễn QLNN về chứng thực tại quận Gò Vấp, chúng ta cần tập trung các giải pháp chấn chỉnh sau, nhằm thực hiện thành công cải cách trong lĩnh vực hành chính tư pháp trên địa quận trong thời gian tới:

- Về việc hoàn thiện tổ chức, bộ máy của các cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực: việc tổ chức bộ máy cần đảm bảo hoạt động QLNN về chứng thực được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn. Đối với cấp lãnh đạo quản lý: Bố trí trực tiếp một lãnh đạo phụ trách QLNN về chứng thực tại cơ quan có thẩm quyền QLNN về chứng thực. Đối với đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác chuyên trách: phân công công việc hợp lý theo hướng giảm tải tối đa tình trạng kiêm nhiệm đối với công chức chứng thực.

- Về cơ sở vật chất phục vụ công việc: tiếp tục thực hiện hiện đại hóa chứng thực, QLNN về chứng thực để nâng cao chất lượng quản lý. Triển khai lắp đặt và vận hành đồng bộ hệ thống trang thiết bị phục vụ cho công tác chứng thực, các mảng QLNN về chứng thực như: tuyên truyền pháp luật; thực hiện chứng thực; xây dựng các chế độ báo cáo; phát hiện và xử lý các vi phạm nhanh chóng, không để lọt vi phạm, tội phạm.

- Tạo môi trường, điều kiện làm việc tốt nhất và xây dựng chế độ đãi ngộ cán bộ, công chức để thu hút người có tài, có đức. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý cán bộ, công chức, tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm đạo đức công vụ. Xây dựng chế độ, chính sách tiền lương, khen thưởng phù hợp với những cống hiến nhằm thu

hút những người có tâm huyết, trình độ chuyên môn cao vào làm việc ở các cơ quan chuyên môn.

- Về đội ngũ cán bộ công chức: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức QLNN về chứng thực, đáp ứng yêu cầu về phẩm chất, năng lực, trình độ được đề ra tại Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 – 2020. Đồng thời, thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, đạo đức công vụ nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, hiện đại, minh bạch, phục vụ nhân dân.

- Về thể chế và các quy định pháp luật: kiến nghị các vướng mắc, khó khăn nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật phục vụ công tác QLNN về chứng thực; thực hiện giải pháp theo tinh thần chỉ đạo Chỉ thị số 17/CT-TTg, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả QLNN về chứng thực; nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy chế để phối hợp quản lý hiệu quả.

- Về tổ chức, bộ máy: cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý hiệu quả theo tinh thần đổi mới của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; nâng cao năng lực cạnh tranh của các cơ quan chứng thực trên địa bàn quận. Bên cạnh đó, UBND quận cần đề xuất với UBND thành phố về việc hoàn thiện trong vấn đề phân cấp QLNN về chứng thực ở cấp huyện với cấp Thành phố và cấp xã, phường, thị trấn; tạo sự thống nhất trong thực hiện các nhiệm vụ QLNN về chứng thực và đề xuất đổi mới quy trình hoạt động của Bộ phận một cửa, cụ thể là đưa “chứng thực” ra khỏi quy trình thủ tục do Bộ phận một cửa trực thuộc Văn phòng UBND quận nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tinh gọn bộ máy nhà nước.

- Với vai trò là cơ quan đầu mối, UBND quận Gò Vấp cần tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật, công tác dân vận tại địa phương để thay đổi

quan niệm trong thực hiện các thủ tục, giao dịch “*chứng thực cho chắc ăn*” nhằm tiết kiệm chi phí cho người dân và cơ quan nhà nước.

- Phòng Tư pháp quận cần tham mưu UBND quận thực hiện công tác kiểm tra và các nội dung cần chấn chỉnh sau công tác kiểm tra nhằm từng bước nâng cao chất lượng QLNN về chứng thực tại UBND quận và UBND các phường trên địa bàn quận.

Tiểu kết chương 3

Luận văn hy vọng một số giải pháp trên hướng sẽ góp phần giải quyết một số vấn đề đã và đang tồn tại trong thời gian qua trong công tác QLNN về chứng thực tại địa phương. Đồng thời cũng cần hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL về chứng thực nhằm tạo một môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác cải cách hành chính. Tuy nhiên, cần thực hiện các giải pháp trên theo một kế hoạch cụ thể, với lộ trình lâu dài và có sự tính toán tỉ mỉ trên cơ sở gắn liền với thực tiễn. Đây không chỉ là nhiệm vụ của nhà nước mà còn là nhiệm vụ của toàn xã hội, nhân dân.

Bên cạnh đó, quần chúng nhân dân và các tổ chức phản biện xã hội cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc giám sát một cách thường xuyên, liên tục và giúp đội ngũ cán bộ chuyên trách thay đổi tư duy, nhận thức theo chiều hướng tích cực, hướng đến mục tiêu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý QLNN về chứng thực thuộc thẩm quyền của UBND quận.

KẾT LUẬN

QLNN về chứng thực là một bộ phận của QLNN, nó vừa mang những đặc trưng chung của QLNN, đồng thời cũng có những đặc điểm riêng. Ngày nay, với sự phát triển kinh tế - xã hội ngày càng mạnh mẽ diễn ra nhanh chóng, nên việc QLNN về chứng thực đang đặt ra cho cơ quan quản lý nhiều vấn đề cần phải quan tâm nghiên cứu từ lý luận đến thực tiễn để điều chỉnh mối quan hệ xã hội phù hợp với quy luật phát triển của xã hội, đây là điều kiện thiết yếu để ổn định xã hội, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển bền vững.

Hoạt động QLNN về chứng thực là hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước nhằm điều chỉnh các hoạt động chứng thực đi theo một quy tắc, một trật tự nhất định, đảm bảo đúng theo những quy định pháp luật hiện hành để đạt đến mục tiêu của chủ thể quản lý đề ra.

Tăng cường thực hiện tốt QLNN về chứng thực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đô thị hóa ở một địa phương là yêu cầu cần thiết và khách quan. Vì thế đề tài đã phân tích những vấn đề lý luận và pháp lý và thực tiễn QLNN về chứng thực của quận Gò Vấp để đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường QLNN về chứng thực của chính quyền quận trong thời gian tới.

Những giải pháp và kiến nghị mà luận văn đã đề xuất hy vọng góp phần quan trọng vào thực hiện tốt công tác QLNN về chứng thực trên địa bàn Quận Gò Vấp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Quận và của các quận trên địa bàn thành phố nói chung./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2005) *Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành 02/6/2005, Hà Nội.
2. Bộ Tư pháp (2015) *Công văn số 1352/HTQTCT-CT về việc triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP*, ban hành ngày 10/3/2015, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2015) *Thông tư số 20/2015/TT-BTP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*, ban hành ngày 29/12/2015, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2016) *Thông tư 04/2016/TT-BTP quy định nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp*, ban hành ngày 03/3/2016, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (2014) *Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh*, ban hành ngày 21/12/2014, Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2016) *Thông tư 226/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực*, ban hành ngày 11/11/2016, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính (2015) *Thông tư liên tịch 158/2015/TTLT-BTC-BTP quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí chứng thực bản*

sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch, ban hành ngày 12/10/2015, Hà Nội.

8. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (1996) *Nghị định số 31/1996/NĐ-CP quy định về tổ chức và hoạt động Công chứng nhà nước, ban hành ngày 18/5/1996, Hà Nội.*

9. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2000) *Nghị định số 75/2000/NĐ-CP quy định về công chứng, chứng thực, ban hành ngày 08/12/2000, Hà Nội.*

10. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2007) *Nghị định số 79/2007/NĐ-CP quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, ban hành ngày 18/5/2007, Hà Nội.*

11. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2011) *Nghị định số 111/2011/NĐ-CP quy định về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, ban hành ngày 05/12/2011, Hà Nội.*

12. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2013) *Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, ban hành ngày 24/9/2013, Hà Nội.*

13. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2014) *Nghị định số 37/2014/NĐ-CP quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, ban hành ngày 05/5/2014, Hà Nội.*

14. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2015) *Nghị định số 67/2015/NĐ-CP về sửa đổi Nghị định số 110/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia*

đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, ban hành ngày 14/8/2015, Hà Nội.

15. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2015) *Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch*, ban hành ngày 16/12/2015 Hà Nội.

16. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2011) *Nghị quyết số 30c/2011/NQ-CP về ban hành Chương trình tổng thể cải cách HCNN giai đoạn 2010– 2020*, ban hành ngày 08/11/2011, Hà Nội.

17. Hồ Chí Minh (1995) *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Nguyễn Hữu Hải (2010) *Giáo trình Lý luận hành chính nhà nước*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Học viện Hành chính.

19. Nguyễn Thị Hồng Hải (2011) “*Vận dụng một số nội dung của mô hình quản lý công mới vào cải cách hành chính ở Việt Nam*”, <<http://www.vusta.vn/vi/news/Thong-tin-Su-kien-Thanh-tuu-KH-CN/Van-dung-mot-so-noi-dung-cua-mo-hinh-quan-ly-cong-moi-va-oi-cai-cach-hanh-chinh-o-Viet-Nam-41369.html,07/12/2011>>.

20. Nguyễn Thu Hương (2015) “*Vị trí, vai trò của pháp luật chứng thực trong hệ thống pháp luật Việt nam*”, <<http://qtht.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/chung-thuc.aspx?ItemID=425>>, (09/9/2015).

21. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2012) *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13*, ban hành ngày 20/6/2012, Hà Nội.

22. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2013) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, ban hành ngày 28/11/2013, Hà Nội.

23. Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam (2012) *Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13*, ban hành ngày 20/06/2012, Hà Nội.

24. Thái Xuân Sang (2014) “So sánh mô hình quản lý công mới (hành chính phát triển) với mô hình hành chính truyền thống”, <http://truongchinhtina.gov.vn/ArticleDetail.aspx? Article_ID=167>.

25. Vũ Thị Thảo (2015) *Pháp luật về chứng thực*, Đặc san tuyên truyền pháp luật, số 02.

26. Thủ tướng Chính phủ (2001) *Chương trình tổng thể cải cách HCNN giai đoạn 2001 – 2010 ban hành kèm theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17 tháng 9 năm 2001*, ban hành ngày 17/9/2001, Hà Nội.

27. Thủ tướng Chính phủ (2014) *Chỉ thị số 17/2014/CT-TTg về biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính*, ban hành ngày 20/6/2014, Hà Nội.

28. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (2014) *Báo cáo số 196/BC-UBND về Tổng kết công tác chứng thực trên địa bàn quận Gò Vấp*, ban hành ngày 08/10/2014, Gò Vấp.

29. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (2015) *Báo cáo số 328/BC-UBND về Tổng kết công tác chứng thực trên địa bàn quận Gò Vấp*, ban hành ngày 19/11/2015, Gò Vấp.

30. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (2016) *Báo cáo số 1228/BC-UBND về Tổng kết công tác chứng thực năm 2016*, ban hành ngày 17/11/2016, Gò Vấp.

31. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (2018) *Báo cáo số 278/BC-UBND về công tác chứng thực năm 2017*, ban hành ngày 23/01/2018, Gò Vấp.

32. Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp (2017) *Báo cáo số 7237/BC-UBND về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2017 và nhiệm vụ, giải pháp phát triển năm 2018*, ban hành ngày 26/12/2017, Gò Vấp.

33. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (1988) *Quyết định số 182/QĐ-UB ngày 21 tháng 9 năm 1988 về thành lập Văn phòng công chứng*, ban hành ngày 21/9/1988, Thành phố Hồ Chí Minh.

34. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2008) *Quyết định 60/2008/QĐ-UBND về phê duyệt Đề án phát triển tổ chức hành nghề công chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh*, ban hành ngày 05/7/2008, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2011) *Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND về thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, ban hành ngày 20/5/2011, Thành phố Hồ Chí Minh.

36. Viện Ngôn ngữ (1997) *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.

37. D. Chandra Bose (2012) *Principles of Management and Administration*, PHI Learning Pvt. Ltd, New Delhi.

38. G. Edward Evans, Camila A. Alire (2013) *Management Basics for Information Professionals*, American Library Association, Chicago.

39. Henry Fayol (1916) *Administration Industrielle et Générale*, Bulletin de la Société de l'Industrie Minérale, (number 10), pg. 5-164.

PHỤ LỤC

Danh sách các nước và loại giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự (Cập nhật bởi Bộ Ngoại giao, tháng 4/2017)

Các chữ viết tắt: HĐTTTP: Hiệp định tương trợ tư pháp CQTU: Cơ quan Trung ương
HĐLS: Hiệp định lãnh sự VPKTVH: Văn phòng Kinh tế - Văn hóa
TTTP: Tương trợ tư pháp HPH: Hợp pháp hóa lãnh sự
CQĐD: Cơ quan đại diện CNLS: Chứng nhận lãnh sự

STT	Tên nước	Loại giấy tờ	Cơ quan cấp	Cơ sở miễn HPH/CNLS	Hướng dẫn áp dụng
01	Cộng hòa An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân	1.1. Các giấy tờ, tài liệu dùng trong mục đích TTTP về hình sự	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 10 HĐTTTP về hình sự ngày 14/4/2010	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP và chuyển qua các CQTU theo Hiệp định
		1.2. Các giấy tờ dân sự, thương mại có chữ ký và con dấu chính thức của CQ có thẩm quyền cấp	Các cơ quan có thẩm quyền	Điều 5 HĐTTTP trong lĩnh vực dân sự và thương mại năm 2010	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP và chuyển qua các CQTU theo Hiệp định

02	Cộng hòa Ba Lan	2.1. Các loại giấy tờ lao động (Điều 1.3), dân sự, gia đình, hình sự được cơ quan có thẩm quyền lập, chứng thực	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 14 và 15 HĐTTTP năm 1993	Chi miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Hiệp định
		2.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 34 HDLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
03	Cộng hòa Bun-ga-ri	3.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 1986	Được miễn HPH/CNLS
		3.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 33 HDLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
04	Cộng hòa Bê-la-rút	4.1. Các loại giấy tờ dân sự (thương mại), gia đình, lao động, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Điều 11 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS
		4.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 13 HDLS năm 2008	Được miễn HPH/CNLS
05	Vương quốc Cam-pu-chia	5.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Áp dụng nguyên tắc có đi có lại	Được miễn HPH/CNLS

		5.2. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Cam-pu-chia tại khu vực biên giới	Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
06	Cộng hòa Ca-dắc-xtan	Bản án, quyết định của Tòa án, hoặc trích lục bản án, quyết định của Tòa án hoặc các tài liệu cần thiết khác có liên quan đến hộ tịch của công dân Bên ký kết	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Điều 14 HĐTTTP về dân sự năm 2011	Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, tài liệu chuyển giao qua kênh liên lạc theo quy định của Hiệp định
07	Cộng hòa Cu-ba	7.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự, lao động	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1988	Được miễn HPH/CNLS
		7.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 12 HĐLS năm 1981	Được miễn HPH/CNLS
08	Trung Quốc(Đài Loan)	Các loại giấy tờ dân sự, thương mại, hôn nhân, gia đình và lao động (Điều 1.2) có chữ ký và con dấu chính thức của CQ có thẩm quyền cấp	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 15 Thỏa thuận giữa hai VPKTVH về TTTP trong lĩnh vực dân sự	Chỉ miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo Thỏa thuận
09	Vương quốc Đan Mạch	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 4 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi năm 2003	Được miễn HPH

10	Vương quốc Hà Lan	Giấy tờ, tài liệu của Việt Nam đã được chứng nhận lãnh sự tại Bộ Ngoại giao Việt Nam	Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam	CH số HANOI/2015-236 ngày 10/12/2015 (ĐSQ Hà Lan tại Hà Nội)	Được miễn HPH (áp dụng đối với giấy tờ của Việt Nam)
11	Cộng hòa Hung-ga-ri	11.1. Các giấy tờ công hoặc giấy tờ tư có xác nhận, chứng nhận trong lĩnh vực dân sự, gia đình, hình sự và hành chính	Các cơ quan có thẩm quyền của hai Bên	Điều 16 HĐTTTP năm 1985 và Công hàm số 64/2007 ngày 09/05/2007 của ĐSQ Hungari tại Hà Nội	Được miễn HPH/CNLS
		11.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 33 HDLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
12	Cộng hòa I-rắc	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HDLS năm 1990	Được miễn HPH/CNLS
13	Cộng hòa I-ta-li-a	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của hai nước	Điều 4 HĐ hợp tác về nuôi con nuôi năm 2003	Được miễn HPH/CNLS
14	CHDCND Lào	14.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 1988;	Được miễn HPH/CNLS
		14.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 36 HDLS năm 1985	Được miễn HPH/CNLS

		14.3. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Lào tại khu vực biên giới	Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
15	Mông Cổ	15.1. Các loại giấy tờ dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của 2 Bên	Điều 8 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS
		15.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 31 HĐLS năm 1979	Được miễn HPH/CNLS
16	Liên bang Nga	16.1. Các loại giấy tờ do cơ quan tư pháp lập hoặc chứng thực (gồm cả bản dịch, trích lục đã được chứng thực)	Cơ quan Tư pháp của hai Bên	Điều 15 HĐTTTP và PL về các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998	Được miễn HPH/CNLS
		16.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 29 HĐLS năm 1978 (ký với Liên Xô)	Được miễn HPH/CNLS
17	Nhật Bản	17.1. Các loại giấy tờ hộ tịch	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của 2 Bên	Áp dụng nguyên tắc có đi có lại	Được miễn HPH/CNLS
		17.2. Giấy tờ dùng cho việc nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền lập và chuyển qua các CQTU	Điều 17 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi	Được miễn HPH/CNLS

18	Cộng hòa Pháp	18.1. Bản án, quyết định công nhận/thi hành án dân sự, các giấy tờ hộ tịch, giấy tờ dân sự dùng cho việc kết hôn, nuôi con nuôi, nhận cha, mẹ, con	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của 2 Bên	- Điều 26 HĐTTTP về các vấn đề dân sự năm 1999 - Công hàm trao đổi giữa CLS và ĐSQ Pháp tại HN năm 2011	Được miễn HPH/CNLS
		18.2. Giấy tờ dùng cho việc nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền lập và chuyển qua các CQTU	Điều 17 Hiệp định hợp tác về nuôi con nuôi	Được miễn HPH/CNLS
		18.3. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 35.3 HĐLS ngày 21/12/1981	Được miễn HPH (phải được CNLS nếu phía Bên kia yêu cầu)
19	Ru-ma-ni	Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 22 HĐLS năm 1995	Được miễn HPH/CNLS
20	Cộng hòa Séc	20.1. Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
		20.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HĐLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
21	Vương quốc Tây Ban Nha	Các giấy tờ, tài liệu về hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 21 HĐ TTTP về hình sự năm 2015	Được miễn HPH/CNLS khi chuyển giao thông qua các Cơ quan trung ương

22	Liên bang Thụy Sĩ	Giấy tờ dùng vào việc cho nhận nuôi con nuôi	Cơ quan có thẩm quyền của 2 Bên	Điều 4 HĐ hợp tác về nuôi con nuôi năm 2005	Được miễn HPH
23	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa^(*)	23.1. Các loại giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình và lao động) và hình sự	Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên lập hoặc xác nhận, ký và đóng dấu chính thức	Điều 29 HĐTTTP năm 1998	Miễn HPH/CNLS giấy tờ dùng cho mục đích TTTP theo HĐTTTP năm 1998
		23.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 45 HDLS năm 1998	Được miễn HPH/CNLS
		21.3. Giấy tờ sử dụng để đăng ký khai sinh, giải quyết các việc kết hôn, nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài, khai tử cho người nước ngoài cư trú ổn định tại khu vực biên giới	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Trung Quốc	Điều 4 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015	Được miễn HPH
24	U-crai-na	24.1. Các giấy tờ dân sự (thương mại, hôn nhân gia đình, lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 12 HĐTTTP năm 2000	Được miễn HPH/CNLS

		24.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 42 HĐLS năm 1994	Được miễn HPH/CNLS
25	Cộng hòa Xi-lô-va-ki-a	25.1. Các loại giấy tờ dân sự (bao gồm các việc về gia đình và lao động) và hình sự	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 13 HĐTTTP năm 1982 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
		25.2. Các giấy tờ thuộc thẩm quyền của viên chức lãnh sự	CQĐD của nước này tại nước kia	Điều 40 HĐLS năm 1980 (ký với Tiệp Khắc)	Được miễn HPH/CNLS
26	Cộng hòa In-đô-nê-xi-a	Các tài liệu, hồ sơ dùng trong mục đích TTTP về hình sự, trừ trường hợp đặc biệt khi Bên được yêu cầu đề nghị rằng các hồ sơ hoặc tài liệu phải được chứng thực	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền của hai Bên	Điều 19 HĐTTTP về hình sự ký ngày 07/6/2013, có hiệu lực từ ngày 22/1/2016	Chỉ áp dụng đối với giấy tờ, hồ sơ được chuyển giao theo Hiệp định

Nguồn: *www.mofa.gov.vn*

Ghi chú:

- Theo quy định tại Điều 9.4 Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự, giấy tờ, tài liệu mà cơ quan tiếp nhận của Việt Nam hoặc của nước ngoài không yêu cầu phải HPH, CNLS phù hợp với quy định pháp luật tương ứng của Việt Nam hoặc của nước ngoài thì cũng được miễn HPH, CNLS.

- Việc thực hiện theo các Hiệp định nêu trên không ảnh hưởng đến việc HPH, CNLS giấy tờ theo yêu cầu của công dân tại các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nhằm tạo thuận lợi cho công dân theo quy định tại Điều 10.2 Thông tư 01/2012/TT-BNG ngày 20/3/2012 của Bộ Ngoại giao Hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

- (*) **Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa:** Đối với giấy tờ như bằng cấp, chứng chỉ, lý lịch tư pháp (xác nhận không tiền án, tiền sự) và các giấy tờ liên quan khác do cơ quan công chứng của Trung Quốc hoặc cơ quan có thẩm quyền khác (bao gồm Hồng Kông, Ma Cao) chứng nhận, sau đó được Vụ Lãnh sự Bộ Ngoại giao Trung Quốc (hoặc cơ quan ngoại vụ địa phương Trung Quốc được ủy quyền) chứng thực thì phải HPH tại CQDD Việt Nam tại Trung Quốc (Căn cứ theo nội dung công hàm trao đổi giữa Cục Lãnh sự và ĐSQ Trung Quốc tại Việt Nam).